

Tháng Mười:

THÁNG MÂN CÔI

Có thể nói rằng Kinh Mân Côi, theo một nghĩa nào đó là lời kinh chú giải chương cuối cùng Hiến Chế **Lumen Gentium** của Công Đồng Vatican II, một chương đề cập đến sự hiện diện đáng thán phục của Mẹ Thiên Chúa trong mầu nhiệm Đức Kitô và mầu nhiệm Giáo hội. Trên bối cảnh lời kinh **Ave Maria** những biến cố chính trong đời sống Đức Giêsu Kitô diễn ra trước con mắt của linh hồn. Được quy lại thành những mầu nhiệm vui, thương và mừng, chúng dẫn chúng ta đến thông hiệp cách sống động với Đức Giêsu qua con tim của người Mẹ, ta có thể nói thế. Đồng thời con tim của chúng ta có thể gán vào chục kinh Kính Mừng mọi biến cố của đời sống cá nhân, gia đình,, quốc gia, Giáo hội và toàn thể nhân loại.

(Gioan Phaolô II, *Rosarium Virginis Mariae*, số 2)

298 ■ PHỤNG VỤ CHƯ THÁNH, tập 2

- 1 THÁNH TÊRÊSA HÀI ĐỒNG GIÊSU, trinh nữ,
tiến sĩ Hội Thánh, bốn mạng các xứ truyền giáo, lễ
kính
- 2 **Các thiên thần hộ thủ, lễ nhớ**
- 3
- 4 **Thánh Phanxicô Ássisi, lễ nhớ**
- 5 Thánh Faustina
- 6 Thánh Brunô, Linh Mục
Thánh Phanxicô Trần Văn Trung, cai đội
- 7 **Đức Mẹ Mân Côi, lễ nhớ**
- 8
- 9 Thánh Đionysiô, Giám Mục và các bạn, tử đạo
Thánh Gioan Lêônardô, Linh Mục
- 10
- 11 Thánh Gioan XXIII, Giáo Hoàng
Thánh Phêrô Lê Tuy, Linh Mục, tử đạo
- 12
- 13
- 14 Thánh Callistô, Giáo Hoàng, tử đạo
- 15 **Thánh Têrêsa Giêsu, trinh nữ, tiến sĩ Hội Thánh,
lễ nhớ**
- 16 Thánh Hedvigés, nữ tu
Thánh Margarita Alacoque, trinh nữ

- 17** **Thánh Ignatiô Antiochia, Giám Mục, tử đạo, lễ nhớ**
Thánh Phanxicô Isidôrô Kính (Gaselin), tử đạo
- 18** **THÁNH LUCA, TÁC GIẢ SÁCH TIN MỪNG, lễ kính**
- 19** **Thánh Gioan Brêbeuf, Linh Mục**
Thánh Isaac Jôgues, Linh Mục và các bạn, tử đạo
Thánh Phaolô Thánh Giá, Linh Mục
- 20**
- 21**
- 22** **Thánh Gioan Phaolô II, Giáo Hoàng**
- 23** **Thánh Gioan Capestranô, Linh Mục**
Thánh Phaolô Tổng Viết Bường, quan thị vệ, tử đạo
- 24** **Thánh Antôn Maria Clarét, Giám Mục**
Thánh Giuse Lê Đăng Thị, cai đội, tử đạo
- 25**
- 26**
- 27**
- 28** **THÁNH SIMON VÀ THÁNH GIUĐA, TÔNG ĐỒ, lễ kính**
- 29**
- 30**
- 31**

✠ *Ngày 01 tháng Mười*

**Thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu,
trinh nữ, tiến sĩ Hội Thánh,
bổn mạng các xứ truyền giáo,
lễ kính**

Sinh tại Alencon ngày 2.1.1873. Qua đời tại Lisieux ngày 30.9.1897.

Thánh Têrêsa chào đời ngày 2.1.1873 tại Alencon nước Pháp. Song thân là cụ Louis Martin (+1894) và bà Maria Guérin (+1877) có tất cả 9 người con, nhưng chỉ sống có 5; cả 5 cô con gái đều bước vào tu viện. Khi Têrêsa chưa tròn 4 tuổi, bà mẹ Guérin qua đời để lại một tang buồn cho gia đình, nhất là Têrêsa. Bà phải chịu ung thư suốt 12 năm đến lúc kiệt lực phải qua đời. Từ ngày đó ông Louis Martin bỏ Alencon lui về Lisieux với cả gia đình.

Vào tháng 4.1888 Têrêsa bước vào đan viện Cát Minh ở Lisieux lúc được 15 tuổi. Lúc ấy chị đã có cảm nghiệm phong phú về đời sống đạo đức. Chính chị xem đêm Giáng Sinh 1886 như là một sự kiện quyết định trong đời sống của chị. Chị cảm nhận hồng ân của một việc chuyển đổi hoàn toàn; từ đây, chị hiểu ơn gọi của cuộc đời mình là yêu Chúa Kitô và yêu con người.

Cuộc đời trong dòng Cát Minh của chị, mặt ngoài rất đơn sơ, nhưng con đường nội tâm càng ngày càng lên cao. Chị hiểu rõ tình yêu của chị đối với Chúa Kitô phải được thực hiện trong việc theo Chúa trên con đường khổ nạn. Thánh Kinh đối với chị

ngày càng nên sách đọc duy nhất, nhưng kèm theo đó là thử thách nội tâm và đau khổ phần xác lại diễn ra hằng ngày.

Trong đêm thứ sáu Tuần Thánh năm 1896, chị bị ho ra máu lần đầu tiên. Mười tám tháng cuối cùng là một cuộc tử đạo triền miên. Chị qua đời ngày 30.9.1897, hưởng dương 24 tuổi, với tiếng thì thào: “Lạy Chúa, con yêu Chúa!”

Chúng ta biết được con đường nội tâm của thánh nữ nhờ vào quyển “Lịch sử một tâm hồn” và “Các lời nói” do bà chị ruột cũng là bề trên sưu tập. Têrêsa đi vào điều trọn vẹn, điều vĩ đại: chị muốn yêu Chúa Giêsu hơn bất cứ ai trên thế giới; chị muốn dâng mình cho tình yêu nhân tử của Chúa như của lễ toàn thiêu; chị muốn yêu tất cả mọi người, như Chúa Giêsu đã yêu. Chống lại kiêu ngạo, chị luôn nhận thức mình hoàn toàn bất lực và nếu có làm được gì, đó là do sức mạnh tình yêu của Chúa ban cho.

Đức Thánh Cha Piô XI nâng Têrêsa lên hàng hiển thánh và đặt làm thánh quan thầy cho các xứ truyền giáo.

BÀI ĐỌC

– Bài đọc 1: Is 66,10-14c.

– Phúc Âm: Mt 18,1-4.

Bài đọc 1: Is 66,10-14c

Sau khi dân bị lưu đày từ Babylon trở về quê hương, thì việc đầu tiên là tái thiết thành phố và xây lại Đền Thờ (khoảng 520-515 TCN.). Tất cả đều tiến hành thật cực nhọc. Và càng khó hơn nữa là những gì Thiên Chúa muốn: canh tân nội tâm dân chúng trong sự thống nhất đức tin và sức hy vọng. Các ngôn sứ của thời đại này là những người đi sau ngôn sứ Isaia, đã khuyến cáo và đã an ủi.

302 ▪ PHỤNG VỤ CHƯ THÁNH, tập 2

Bài đọc hôm nay là một lời an ủi. Dân chúng được khuyến khích: còn hy vọng! Không phải con người sẽ tạo tương lai, nhưng chỉ có Thiên Chúa mới có quyền lực để ban cuộc sống, bình an và niềm vui mà thôi. Các dân tộc khác sẽ được chia sẻ vào hồng ân này.

Vị ngôn sứ hiểu điều này trong ý nghĩa là các dân tộc sẽ mang sự giàu sang của họ đến Giêrusalem. Nhưng thành Giêrusalem Mới chỉ có, khi con người tin vào Thiên Chúa và cảm nhận được sự gần gũi trợ lực của Người.

Phúc Âm: Mt 18,1-4

Lúc ấy, các môn đệ lại gần hỏi Đức Giêsu rằng: “Thầy, ai là người lớn nhất trong Nước Trời?” Đức Giêsu liền gọi một em nhỏ đến, đặt vào giữa các ông và bảo: “Thầy bảo thật anh em “nếu anh em không trở lại mà nên như trẻ em, thì sẽ chẳng được vào Nước Trời.

Vậy ai tự hạ, coi mình như em nhỏ này, người ấy sẽ là người lớn nhất Nước Trời.

Những lời giáo huấn và chỉ dạy của Đức Giêsu được Mátthêu thu tập lại trong chương 18, được coi như là “trật tự cộng đoàn” hay là “Luật nhà Thiên Chúa”. Giáo huấn này nhắm vào môn đệ. “Môn đệ” ở đây không muốn chỉ nói đến số ít đi theo Chúa Giêsu mà thôi; thánh sử nhìn đến cộng đoàn môn đệ vào thời của ngài, Hội Thánh sau thời Phục Sinh.

Thời đại nào chúng ta cũng phải nhớ đến luật căn bản mà Chúa đã đặt ra cho môn đệ của mình. Luôn luôn cần đến sự sám hối, quay trở về với Lời Chúa; đây là suy nghĩ và thái độ, nếu con người muốn thích ứng theo lề luật của Chúa Kitô.

Lời kêu gọi, chúng ta phải hóa nên trẻ nhỏ, đòi buộc chúng ta một sự chân thật tuyệt đối trước mặt Thiên Chúa và trước mặt bản thân.

Một đứa bé biết rõ, nó nhỏ và yếu đuối, và cuộc sống của nó hoàn toàn tùy thuộc vào tình yêu và cảm mến của người lớn. Nhưng sức mạnh của đứa bé lại nằm ngay trong sự yếu đuối này. Ai đạt được việc trở nên bé nhỏ, sẽ đạt được tất cả.

CẦU NGUYỆN

Lạy Cha nhân lành, Cha mở cửa Nước Trời cho những người bé mọn. Xin cho chúng con hằng ngày biết theo chân thánh nữ Têrêsa Hài Đồng Giêsu bước đi trên con đường phó thác để muôn đời được chiêm ngưỡng Thánh Nhan. Chúng con cầu xin...

✠ *Ngày 02 tháng Mười*

Các thiên thần hộ thủ, lễ nhớ

Ngày xưa người ta tin rằng thiên thần là những thần linh giữ vai trò quan trọng trong việc liên lạc giữa thế giới Thiên Chúa và con người; niềm tin này đã được thấy nói trong Cựu Ước, cho dù không được giải thích rõ ràng.

Trong Cựu Ước, thiên thần là sứ giả trợ lực của Thiên Chúa (St 16,7; 21,17; Xh 14,19; 2 V 19,35). Trong những tác phẩm cuối (tỉ như sách Đanien) có kể tên các vị thiên thần; qua tên đó chúng ta thấy được công tác của họ.

Trong Tân Ước, các thiên thần cũng giữ một vai trò trong đời sống Đức Giêsu và Hội Thánh tiên khởi. Nếu có những sức

304 ▪ PHỤNG VỤ CHƯ THÁNH, tập 2

lực của Satan, của ma quỷ, thì cũng có những thiên thần lành, trợ lực, hướng dẫn và bảo vệ con người. Niềm tin vào thiên thần bản mệnh hay hộ thủ dựa vào đoạn Phúc Âm Mt 18,10.

Thánh Lễ thiên thần hộ thủ rất phổ biến ở thế kỷ XV và XVI, thường được liên kết với lễ Tổng Lãnh Thiên Thần Micae (29.9). Năm 1670 Đức Giáo Hoàng Clémentê X đã cho phép mừng lễ thiên thần hộ thủ trong cả Hội Thánh và xác định lễ này vào ngày 2.10 hằng năm.

BÀI ĐỌC

– Bài đọc 1: Xh 23,20-23a.

– Phúc Âm: Mt 18,1-5.10.

Bài đọc 1: Xh 23,20-23a

Thuật ngữ Hipri, mà chúng ta thường dịch ra là “Thiên Thần”, thực sự có nghĩa đơn sơ là “Sứ giả”, người nhận lệnh của chủ để nói hay làm một cái gì. Trong Cựu Ước thì “Thiên Thần của Chúa” (Thiên thần của Giavê) không phân biệt gì với chính Giavê: Thiên thần chính là Thiên Chúa xuất hiện ở trần gian để nói và hành động.

Mãi trong những văn bản mới, nhất là sau thời lưu đày ở Babylon, chúng ta mới gặp những lời rõ ràng, không những phân biệt giữa Thiên Chúa và thiên thần, nhưng còn kê khai cả tên và phận vụ của từng thiên thần.

Theo cái nhìn này, thì đoạn Xuất Hành 23 thuộc về loại cổ. Thiên Chúa đã hứa với dân trong sa mạc, sẽ sai một thiên thần đến để dẫn lộ và bảo vệ dân. Danh Thiên Chúa tỏ hiện trong vị Sứ Giả này (23,21). Danh tức là người. Danh nơi sứ giả chính là Thiên Chúa, Người tự tỏ lộ để con người nhìn ra

Người, cho phép họ kêu cầu Danh Người hay là cho họ cảm nhận được sự sợ sệt trước sự hiện diện của Người.

Vì Thiên Chúa hiện diện ngay trong các thiên thần, nên con người phải kính trọng và tin tưởng các Đấng.

Phúc Âm: Mt 18,1-5.10

Lúc ấy, các môn đệ lại gần hỏi Đức Giêsu rằng: “Thưa Thầy, ai là người lớn nhất trong Nước Trời?” Đức Giêsu liền gọi một em nhỏ đến, đặt vào giữa các ông và bảo: “Thầy bảo thật anh em: nếu anh em không trở lại mà nên như trẻ em, thì sẽ chẳng được vào Nước Trời.

“Vậy ai tự hạ, coi mình như em nhỏ này, người ấy sẽ là người lớn nhất trong Nước Trời. Còn ai tiếp đón một em nhỏ như thế này vì danh Thầy, là tiếp đón chính Thầy.

“Anh em hãy coi chừng, chớ khinh một ai trong những kẻ bé mọn này; quả thật, Thầy nói cho anh em biết: các thiên thần của họ ở trên trời không ngừng chiêm ngưỡng nhan Cha Thầy, Đấng ngự trên trời.

Đoạn Mt 18,10 nói về “kẻ nhỏ”; như thế, ở đây không những nói về trẻ nhỏ, nhưng còn nói về những người yếu đuối, những người thấp bé về mặt kinh tế và xã hội, những người đơn sơ. Luôn luôn chúng ta thấy những người này thường bị khinh khi và bị xử tệ.

Để tránh những thái độ như thế, Đức Giêsu nhắc đến giá trị của chính những con người đó. Chính Thiên Chúa biết và tôn trọng từng người này. Họ là con Thiên Chúa và hơn nữa, Thánh Kinh gọi họ là “con người của Thiên Chúa”. Chúa Giêsu lại đồng hóa mình với họ: “Quả thật, Ta bảo các ngươi, những gì các ngươi đã không làm cho một người nào trong các kẻ hèn

306 ▪ PHỤNG VỤ CHƯ THÁNH, tập 2

mọn nhất này, là các người đã không làm cho chính mình Ta” (Mt 25,45).

Tất cả ngày tháng và hành động của “những kẻ bé mọn” này đều được tường trình trước mặt Thiên Chúa. Thiên Chúa đã gửi những trung gian và sứ giả từ trời xuống để chăm sóc cho họ. Đó là những thiên thần phục vụ Thiên Chúa và con người.

CẦU NGUYỆN

Lạy Cha là Đấng an bài mọi sự cách tuyệt vời, Cha sai các thiên thần đến gìn giữ chúng con. Xin ban cho chúng con đời này được các ngài luôn bên vực che chở, và đời sau được cùng các ngài hưởng phúc vinh quang. Chúng con cầu xin...

✠ *Ngày 03 tháng Mười*

Thánh Phanxicô Borjia, Linh Mục

(Lễ của Dòng Tên)

Thánh Phanxicô Borjia sinh năm 1510 tại Gandia miền đông nước Tây Ban Nha, trong một gia đình trâm anh nhưng nhiều gương xấu.

Ngài thọ giáo trong triều đình hoàng đế Carlos V ở kinh đô Tolêđô. Ngay từ nhỏ, ngài đã sống đạo hạnh, xa lánh những cảnh sống xa hoa và phóng đảng của hàng quý tộc đương thời. Năm 19 tuổi, ngài kết hôn và sau đó sinh được 8 người con. Năm 28 tuổi, ngài được cử làm Phó Vương xứ Catalonia. Năm 32 tuổi, ngài kế vị cha làm công tước miền Gandia. Năm 36

tuổi, khi phu nhân qua đời, ngài sắp xếp cho các con, rồi vào Dòng Tên.

Năm 38 tuổi, ngài khẩn trọng thể và năm 41 tuổi chịu chức Linh Mục. Ngài đi giảng tại nhiều nơi ở Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, thu lượm nhiều kết quả tông đồ, nhờ gương sáng đời sống hãm mình và khiêm tốn. Năm 44 tuổi, ngài được thánh I-nhã đặt làm Tổng Đại Diện điều khiển 4 tỉnh dòng ở Tây Ban Nha.

Năm 51 tuổi, ngài được Tổng Quản Laynez triệu về làm việc ở trụ sở trung ương Dòng. Năm 1665, ngài được Đại Hội II của Dòng bầu làm Tổng Quản. Trong nhiệm kỳ dài 7 năm, ngài đã sắp xếp và tổ chức đời sống trong Dòng thành nề nếp chặt chẽ. Ngài đặc biệt để ý đến việc huấn luyện và đời sống thiêng liêng của các học viên, lập các học viện ở nhiều nơi, và khai sinh nhiều công cuộc truyền giáo.

Có thể nói, thánh I-nhã đã lập bản vẽ và đặt nền móng cho Dòng, cha Laynez đã xây tường, còn ngài đã lợp mái và bố trí bên trong, như thế là hoàn tất công trình Chúa đã dùng thánh I-nhã để khởi sự. Ngài qua đời ngày 30.9.1572 và được Đức Thánh Cha Clêmentê X tuyên thánh năm 1671.

CẦU NGUYỆN

Lạy Cha, Cha đã gọi thánh Phanxicô Borjia từ bỏ địa vị vương hầu để trở thành người khiêm tốn phục vụ Cha. Nhờ lời ngài cầu thay nguyện giúp, xin cho những người đã chết đối với tội mà từ bỏ thế gian thì chỉ sống cho một mình Cha. Chúng con cầu xin...

✠ *Ngày 04 tháng Mười*

**Thánh Phanxicô Assisi,
Đấng sáng lập Dòng Anh Em Hèn Mọn,
Dòng Thánh Clara và Dòng Phan Sinh,
lễ nhớ**

Sinh tại Assisi năm 1182, qua đời tại đây ngày 3.10.1226.

Như thánh Bonaventura viết, người ta thấy được ân huệ của Chúa, Đấng Cứu Độ chúng ta, trong con người của thánh Phanxicô thành Assisi.

Thánh Phanxicô chào đời vào khoảng cuối năm 1182, tại thành Assisi, ở phía bắc thủ đô Rôma. Cha là ông Phêrô Bênadônê, một thương gia chuyên nghề bán len dạ; mẹ là bà Pica, một phụ nữ hiền đức, hiếm có.

Cậu Phanxicô rất hào hoa, lại được gia đình giàu có nuông chiều, nên cậu mặc sức ăn chơi phung phí. Mộng công danh thôi thúc, Phanxicô theo bá tước Gôthiê đơ Briennơ đi chinh phục vùng Apulia, gần thành Assisi. Nhưng ý Chúa nhiệm mầu đã khiến Phanxicô đau nặng và bắt buộc phải trở lại quê hương. Lần này, tuy vẫn ăn chơi như trước, nhưng Phanxicô cảm thấy những thú vui xưa kia dần dần mất hết ý nghĩa. Thế rồi Phanxicô đi tìm lý tưởng cao đẹp hơn. Một hôm, lúc đang cầu nguyện trong nguyện đường Damianô nhỏ bé, Phanxicô nghe tiếng Chúa phán ra từ cây Thánh Giá: “Phanxicô, con hãy đi sửa lại ngôi đền thờ của Ta đang đổ nát!” Phanxicô hiểu câu nói này cách nông cạn, nên tình nguyện đi xin từng viên đá đem về sửa lại ba ngôi nguyện đường thành Assisi. Phanxicô chưa hiểu rằng, ngôi đền thờ mà Chúa muốn nói chính là Hội Thánh.

Ngày 24.2.1208, đang buổi lễ, Phanxicô nghe được đoạn Phúc Âm: “Các con hãy đi rao giảng Tin Mừng... Các con đừng mang theo tiền bạc, bị gậy.”. (Mt 10,10). Phanxicô nhận ra tiếng gọi của Chúa, từ nay quyết tâm triệt để sống khó nghèo và theo Chúa trên con đường Thập Tự (Mt 19,21; Lc 9,1-6; Mt 16,24). Phanxicô vừa đi rao giảng Tin Mừng vừa khát thực. Với tình yêu sự khó nghèo, đòi buộc Phanxicô phải yêu những người nghèo, những bệnh nhân mà ngài nhìn thấy Chúa Giêsu ở nơi họ. Ngài chỉ muốn giống Chúa Giêsu cách trọn vẹn trong khó nghèo, trong tình yêu, trong sự giảng dạy và trong đau khổ.

Năm 1220, vì những khó khăn nội bộ của Hội Dòng do một số anh em cấp tiến muốn sửa đổi lý tưởng nghèo khó thuở ban đầu, Phanxicô phải bỏ cuộc truyền giáo cho người Hồi giáo để trở lại nước Ý. Một cuộc tử đạo đặc biệt sắp bắt đầu. Năm 1224, Phanxicô xin rút lui về ẩn mình tại núi LAVERNA. Nơi đây, ngài được Chúa in năm dấu thánh của Người trên chân tay và cạnh sườn. Phanxicô đã sống cuộc tử đạo này trong hai năm trời: các vết thương luôn rỉ máu, cộng với nỗi đau khổ do một số anh em sống xa lý tưởng ban đầu gây ra. Trong nỗi cô đơn và đau khổ do bệnh hoạn, ngài chỉ muốn hoàn tất ý định của Thiên Chúa cho đến khi “Bạn Chết” của ngài đến kết thúc cuộc đời vào ngày 3.10.1226.

Đức Giáo Hoàng Grêgôriô IX đã tuyên ngài lên bậc hiển thánh vào ngày 16.7.1228.

Trích thư thánh Phanxicô Assisi gửi một tín hữu

“Chúng ta phải xin quả phúc đức, xứng với lòng hối cải. Rồi phải yêu anh em như chính mình. Hãy có lòng bác ái và khiêm nhường; hãy rộng tay bố thí vì việc bố thí sẽ tẩy sạch tâm hồn khỏi các vết nhơ tội lỗi. Quả thật, con người sẽ mất hết, bỏ hết tất cả ở lại đời này và chỉ mang theo giá trị của lòng

310 ▪ PHỤNG VỤ CHƯ THÁNH, tập 2

bác ái và những của mà họ đã bố thí để được Thiên Chúa ân thưởng xứng đáng”.

CGKPV, trang 427.

CẦU NGUYỆN

*Lạy Thiên Chúa từ bi nhân hậu,
xin cho con hằng yêu mến Chúa
và phụng sự Chúa trong mọi người.
Xin biến đổi con thành lợi khí
xây dựng bình an Chúa mọi nơi.
Lạy Chúa,
nơi nào có oán ghét hận thù,
xin giúp con xây dựng tình thương.
Nơi nào có khinh khi nhục mạ,
xin giúp con mang lại tha thứ.
Nơi nào có mâu thuẫn bất đồng,
xin giúp con nên người hòa giải.
Nơi nào có giả dối sai lầm,
xin giúp con rao truyền chân lý.
Nơi nào có hoài nghi ngờ vực,
xin giúp con củng cố đức tin.
Nơi nào có nản chí sồn lòng,
xin giúp con gieo niềm hy vọng.
Nơi nào có bóng tối mây mù,
xin giúp con khơi nguồn ánh sáng.
Nơi nào có u sầu buồn bã,
xin giúp con đem lại an vui.
Lạy Chúa, xin dạy con
tìm an ủi người hơn được người an ủi
tìm hiểu biết người hơn được người hiểu biết
tìm mến yêu người hơn được người mến yêu.*

*Bởi vì hiến thân chính là nhận lãnh,
từ bỏ mình là gặp lại bản thân,
tha cho người là mình sẽ được tha
cam lòng chịu chết là được sống muôn đời.
Lạy Thánh Thần là nguồn mạch tình yêu,
xin ban cho con một tâm hồn cởi mở
và tuôn đổ trên những người thiện chí
ơn Ngài ban tặng là ơn an bình.*

✠ *Ngày 05 tháng Mười*

Thánh Faustina

HELENA KOWALSKA sinh ngày 25.8.1905 tại làng Glogowiec, quận Turek, tỉnh Lodz, xứ Ba Lan. Ngày 27.8.1905 đã được rửa tội tại nhà thờ Casimir, nhận tên Helena. Chị là người con thứ ba trong một gia đình 10 người con.

Chị xuất thân từ một gia đình nghèo, lao động vất vả về nghề nông. Năm 1917 Helena bắt đầu đi học tại Swinice, nhưng chưa đến lớp 3 thì phải nghỉ để phụ giúp gia đình. Tháng 7.1924 chị đến Warsaw để vào dòng Đức Mẹ Nhân Lành tại Zytnia. Ngày 30.4.1926 chị nhận áo dòng và mang tên là nữ tu MARY FAUSTINA. Ngày 30.4.1928 chị khấn lần đầu và ngày 1.5.1933 chị tuyên khấn trọn đời.

Ngày 2.1.1934 chị đến gặp họa sĩ Kazimirowski nhờ vẽ bức hình Chúa Tình thương, nhưng mãi tháng 6 năm đó, mới hoàn thành. Ngày 26.10.1934 vào khoảng 17 giờ 50, chị thấy

312 ▪ PHỤNG VỤ CHƯ THÁNH, tập 2

Chúa Giêsu hiện ra trên nhà nguyện tại Vilnius, với hai luồng sáng xanh nhạt và đỏ.

Từ ngày 9.12.1936 chị bắt đầu yếu. Vào ngày 2.10.1938 chị càng ngày càng yếu. Ngày 5 tháng 10 năm 1938 vào lúc 4 giờ chiều chị xưng tội lần cuối. Vào lúc 9 giờ tối chị qua đời. Ngày 7.10.1938 Thánh Lễ an táng ; chị được mai táng tại nghĩa trang trong khu vườn của dòng Đức Mẹ Nhân Lành số 3/9 đường Wronia, Lagiewniki, Krakow, trong ngôi mộ chung tại nghĩa trang.

Ngày 26.1.1968 Thánh Bộ Tuyên Thánh nhận được hồ sơ. Ngày 31.1.1968 Chị Faustina được tuyên chân phước. Ngày 30.4.2000 Chị được Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II tuyên lên hàng hiển thánh. Trong bài giảng, Đức Giáo Hoàng tuyên bố: “Từ nay về sau, trong khắp Giáo hội, Chúa Nhật thứ hai mùa Phục Sinh sẽ được gọi là Chúa Nhật kính Lòng Chúa Thương xót.”

Bài giảng của Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II trong ngày lễ tuyên thánh

Hôm nay, niềm vui của Tôi thật sự lớn lao khi trình bày cuộc sống và chứng từ của nữ tu Faustina Kowalska cho toàn thể Giáo hội như một quà tặng Thiên Chúa dành cho thời đại chúng ta. Nhờ Thiên Chúa Quan phòng, cuộc sống người ái nữ hèn mọn của đất nước Ba Lan đã được liên kết mật thiết với lịch sử của thế kỷ XX, thế kỷ chúng ta vừa bỏ lại phía sau. Thực vậy, vào thời kỳ giữa hai cuộc thế chiến I và II, Chúa Kitô đã ủy thác sứ điệp Lòng Thương Xót của Người cho chị nữ tu này. Những ai còn nhớ – những người đã chứng kiến và tham dự vào các biến cố của những năm tháng ấy và những đau khổ kinh hoàng mà hai cuộc thế chiến đã gây ra cho hàng triệu con người – đều quá biết rằng sứ điệp Lòng Thương Xót khẩn thiết như

thế nào. Chúa Giêsu đã phán với nữ tu Faustina rằng: *“Nhân loại sẽ không được bình an cho đến khi nào quay về với Lòng Thương Xót của Cha với niềm tín thác.”*

Chính tình yêu này phải cảm khái nhân loại ngày nay, khi họ phải đương đầu với cuộc khủng hoảng về ý nghĩa cuộc sống, những thách đố của các nhu cầu hết sức đa dạng, và nhất là bốn phận phải bảo vệ phẩm giá của từng con người. Như vậy, *sứ điệp Lòng Thương Xót Chúa cũng tiềm ẩn một sứ điệp về chính giá trị của mỗi con người*. Mỗi người đều quý báu trước mắt Chúa ; Chúa Kitô đã hiến mạng sống cho từng cá nhân ; Chúa Cha ban cho từng cá nhân Thánh Thần của Người và dành cho họ một mối tình thân mật.”

Jezu, ufam Tobie! Lay Chúa, con tín thác nơi Chúa!

✠ *Ngày 06 tháng Mười*

Thánh Bruno, Linh Mục

Sinh tại Cologne nước Đức, qua đời tại La Torre ngày 6.10.1101.

BRUNO, Đấng sáng lập dòng CHARTREUX, xuất thân từ Cologne nước Đức. Sinh khoảng năm 1030; trở thành kinh sĩ tại đại thánh đường Kunibert ở Cologne; vào năm 1057 giám đốc trường nhà thờ Chánh Toà ở Reims; trong đám học trò của ngài ở đây, sau này sẽ có người bước lên ngôi Giáo Hoàng, đó là Đức Urban II.

Bruno trở thành đan sĩ, nhưng ngài đã không tìm được điều ngài mơ ước trong các đan viện Molesme và Sèche-Fontaine, miền Aube. Cùng với sáu người bạn thân, Bruno mơ

314 ▪ PHỤNG VỤ CHƯ THÁNH, tập 2

ước sống một cuộc đời vừa ẩn tu vừa được thể hiện hết chức năng phục vụ của Hội Thánh. Được phép của Đức Giám Mục Grenoble, vào năm 1084, Bruno tìm được một đỉnh cao hoang vu trong miền Dauphiné, tại miền xa xôi âm thầm CARTUSIA, ngài đã thành lập dòng khổ tu CHARTREUX (Grande-Chartreuse, Isère), là dòng duy nhất từ xưa đến nay chưa cần đến sự canh tân.

Sáu năm sau, người học trò xuất sắc của ngài, bây giờ trở thành Giáo Hoàng Urban II, gọi ngài về Rôma làm cố vấn. Năm 1091 Bruno thành lập Chartreuse La TORRE ở Calabrien. Nơi đây, ngài đã qua đời vào ngày 6.10.1101.

Trích thư thánh Bruno gửi các tu sĩ Chartreux, con cái ngài

Với các tu huynh rất thân mến, tôi xin nói rằng: linh hồn tôi ngợi khen Chúa, vì tôi thấy lòng từ bi cao cả của Người nơi anh em, theo như Đức viện phụ rất đáng mến của anh em cho tôi biết. Ngài cũng vui mừng và tự phụ nhiều vì anh em. Phần tôi, tôi cũng vui mừng vì tuy anh em không nhiều chữ nghĩa, nhưng Chúa quyền năng cũng lấy tay viết vào trong tâm hồn anh em không những tình yêu của Người, mà cả sự hiểu biết về các thánh chỉ của Người nữa. Vì quả thực, việc làm của anh em chứng tỏ anh em mến gì và biết gì. Vì anh em vẫn hết sức cẩn thận và ân cần giữ đức vâng lời chân thật; điều này làm chứng anh em đã khôn ngoan thâm lượm được chính hoa trái hằng sống rất dịu ngọt của Kinh Thánh.

CGKPV, trang 430.

CẦU NGUYỆN

Lạy Cha, Cha đã mời gọi thánh Linh Mục Brunô phụng sự Cha trong nơi vắng lặng. Xin nhậm lời thánh nhân chuyển cầu mà ban cho chúng con dù đang sống giữa cảnh đời ồn ào náo động, cũng biết luôn hướng lòng về Cha. Chúng con cầu xin...

✠ **Thánh Maria Năm Dấu, trinh nữ**

(lễ của dòng III Phanxicô)

Maria Phanxica sinh tại thành Náples nước Ý năm 1734. Ngài đã mặc áo dòng ba thánh Phanxicô. Ngài hành xác, ăn chay, thức khuya và tuân theo mọi điều nhật niệm khác. Ngài yêu thương và giúp đỡ những người đau yếu và túng cực bằng mọi cách; hết sức tôn kính Mẹ Thiên Chúa và luôn nổi bật với đức khiêm nhường. Ngài yên nghỉ trong Chúa ngày 6.10.1791.

CẦU NGUYỆN

Lạy Cha, Cha đã ban cho thánh Maria đồng trinh đầy tràn ân huệ bởi trời. Chúng con cầu xin Cha cho chúng con khi đã noi gương người sống nhân đức dưới thế, thì cũng được cùng người chung hưởng niềm vui muôn đời. Chúng con cầu xin...

✠ **Chân phước Giacôbê de San Vitores,
Linh Mục, tử đạo**

(lễ của dòng Tên)

Sinh năm 1627 trong một gia đình quý phái tại thị trấn Burgos miền bắc Tây Ban Nha.

Chân phước Giacôbê de San Vitores vào Dòng Tên năm 13 tuổi, khi được cha cho phép sau một thời gian chống đối. Ngay từ đầu, ngài đã nổi bật là một người đạo đức và thông minh. Sau khi chịu chức Linh Mục năm 24 tuổi, nhận việc

316 ▪ PHỤNG VỤ CHƯ THÁNH, tập 2

giảng dạy ở cấp bậc đại học và hoạt động tông đồ dưới nhiều hình thức, cho tới khi được cha Tổng Quản Goswin Nickel cho phép đi truyền giáo ở hải ngoại.

Năm 29 tuổi, ngài rời bỏ quê hương đến thành phố thủ đô Mêxicô làm việc cật lực trong hai năm, rồi đi Philippin. Tại đây, từ 1662 đến 1666, ngài làm tập sự, giám học, giáo sư thần học. Ngoài ra, ngài còn nhiệt thành hoạt động tông đồ giữa dân địa phương. Tuy nhiên, ngài hết sức mong mỏi đến quần đảo Mariana ở Thái Bình Dương để rao giảng về Chúa Giêsu, vì dân bản xứ ở đó chưa hề được nghe nói tới Người bao giờ.

Cuối cùng, sau khi đã vượt qua bao nhiêu trở ngại, ngài được toại nguyện vào năm 1668. Tại đó, trong 4 năm, ngài trải qua đủ chuyện vui buồn trong đời truyền giáo; xây dựng được 4 nhà thờ và 3 trường học; rửa tội được nhiều ngàn người. Ngày 2.4.1672 tại làng Tumon trên đảo Guam, đang khi rửa tội cho một em bé, ngài bị một người bỏ đạo dùng gươm đâm chết và ném xác xuống biển.

Ngài được Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II tuyên chân phước năm 1985.

CẦU NGUYỆN

Lạy Cha, nhờ các hoạt động tử đạo của chân phước Giacôbê de San Vitores, Cha đã mặc khải ánh sáng Tin Mừng và tình yêu của Chúa Kitô cho người chưa tin. Nhờ lời ngài cầu thay nguyện giúp, xin cho chúng con cũng trở thành chứng nhân cho chân lý Tin Mừng và sứ điệp tình yêu. Chúng con cầu xin...

✠ **Thánh Phanxicô Trần Văn Trung,
cai đội, tử đạo**

Thánh TRUNG là một trong 9 thánh tử đạo Việt Nam xuất thân từ quân ngũ. Sinh năm 1825 tại làng Phan Xá, tỉnh Quảng Trị. Cha là quân nhân; lớn lên ngài cũng gia nhập quân ngũ và được thăng lên chức Cai đội.

Trong một cuộc khảo thí, 11 người bạn đồng ngũ đứt lót, ngài thì không. Vụ chia chát không đều, các quan cải vã thâu tai vua, nên cả 12 cai đội phải bị tổng ngục.

Năm 1858, khi quân Pháp chiếm Cửa Hàn, vua Tự Đức truyền cho các tù nhân, ai tình nguyện đi chống Pháp, sẽ được phóng thích. Nhưng để tránh nội công, quan bắt các tù nhân phải dâng hương và đập lên Thánh Giá. Tất cả đều từng phục, trừ một mình cai đội TRẦN VĂN TRUNG. Họ hỏi ngài có phải là Kitô hữu không, ngài đáp: “Đúng! Tôi sẵn lòng dày xéo lên mọi kẻ thù của đất nước, nhưng không chối đạo”. Thế là số phận của ngài đã được định đoạt.

Trong hơn hai tháng tù tội, bất chấp mọi khổ hình, dọa nạt và dụ dỗ, không ai và không gì có thể khuất phục được ngài. Khi không còn hy vọng làm cho ngài chối đạo, vua Tự Đức đã ký án tử hình. Ngày 6.10.1858 ngài bị điệu đi xử trảm tại pháp trường An Hoà, Huế.

Đức Thánh Cha Piô X đã tuyên chân phước cho ngài vào ngày 2.5.1909.

✠ *Ngày 07 tháng Mười*

**Đức Mẹ Mân Côi,
lễ nhớ**

Chuỗi Mân Côi, với hình thức ngày hôm nay, được các cha Dòng Đa Minh và sau đó Dòng Tên truyền bá từ thế kỷ 15. Lễ Mân Côi không nhằm vào xâu chuỗi cho bằng hướng về Thánh Mẫu Mân Côi, đó là Đức Trinh Nữ Maria.

Thánh Lễ được Đức Giáo Hoàng Piô V, xuất thân từ dòng Đa Minh, lập ra vào năm 1572, để kỷ niệm chiến thắng của hạm đội Công Giáo trên dân Thổ Nhĩ Kỳ (Hồi Giáo) ở vịnh Lepanto ngày 7.10.1571.

Sau cuộc chiến thắng quân Thổ Nhĩ Kỳ ở Peterwardein xứ Hungarie ngày 5.8.1716, theo yêu cầu của vua Charles VI, Đức Giáo Hoàng đã cho phép mừng lễ này trong toàn Hội Thánh.

BÀI ĐỌC

- Bài đọc 1: Cv 1,12-14.
- Bài đọc 2: Gl 4,4-7.
- Phúc Âm: Lc 1,26-38.

Bài đọc 1: Cv 1,12-14

Sau khi Đức Giêsu về trời (Cv 1,9-11), các môn đệ biết rằng, cuộc đời còn lại của họ là để phục vụ Đức Chúa được tôn vinh. Trước tiên họ trở lại Giêrusalem, vì nơi đó họ được hứa ban Thánh Thần.

Căn gác nói ở đây (1,13) có lẽ là nơi đã cử hành buổi Tiệc Ly. Danh sách các Tông Đồ được kể theo Lc 6,14-16. Tất cả đều có mặt nơi đây, cùng với các môn đệ khác.

Về những người thân thuộc của Đức Giêsu, tác giả nhấn mạnh đến “Maria, Mẹ Đức Giêsu”. Nơi nào con người “cùng với Đức Maria” khẩn thiết cầu nguyện, thì nơi đó Chúa Kitô hiện diện và Thánh Thần sẽ nối kết những người cầu nguyện vào một mối dây hiệp nhất.

Bài đọc 2: Gl 4,4-7

Đức Kitô đi vào trần gian để giải thoát con người khỏi tội, khỏi quyền lực của Định Mệnh và quyền lực của lịch sử, khỏi cả Lễ Luật của Cựu Ước, trong cái nhìn Lễ Luật này chỉ mang tính cách chuẩn bị.

Chúng ta thấy được tình yêu vĩ đại trong Đức Giêsu Kitô; tình yêu đã bao trùm và mang lấy cả vũ trụ. Qua Bí Tích Rửa tội, chúng ta cũng được lôi kéo vào tình yêu này.

Chúng ta đã nhận được Thần Khí của Chúa Con và chúng ta có thể tin tưởng gọi Thiên Chúa là Cha: Người đã nói với chúng ta và trong Người Con, chúng ta có thể thấy Người một cách cụ thể vì Người muốn trở thành người đối thoại với chúng ta.

Trong cả mầu nhiệm vĩ đại này, chúng ta nhìn ngắm người phụ nữ (Gl 4,4) đã được Thiên Chúa gọi để làm Mẹ Đấng Cứu Độ của chúng ta.

Phúc Âm: Lc 1,26-38

Bà Êlisabét có thai được sáu tháng, thì Thiên Chúa sai sứ thần Gábríel đến một thành miền Galilê, gọi là Nadarét, gặp

320 ▪ PHỤNG VỤ CHƯ THÁNH, tập 2

một trinh nữ đã đính hôn với một người tên là Giuse, thuộc nhà Đavít. Trinh nữ ấy tên là Maria.

Sứ thần vào nhà trinh nữ và nói: “Mừng vui lên, hỡi Đấng đầy ân sủng, Đức Chúa ở cùng bà”. Nghe lời ấy, bà rất bối rối, và tự hỏi lời chào như vậy có nghĩa gì.

Sứ thần liền nói: “Thưa bà Maria, xin đừng sợ, vì bà đẹp lòng Thiên Chúa. Và này đây bà sẽ thụ thai, sinh hạ một con trai, và đặt tên là Giêsu. Người sẽ nên cao cả, và sẽ được gọi là Con Đấng Tối Cao. Đức Chúa là Thiên Chúa sẽ ban cho Người ngai vàng vua Đavít, tổ tiên Người. Người sẽ trị vì nhà Giacóp đến muôn đời, và triều đại của Người sẽ vô cùng vô tận”.

Và Maria thưa với sứ thần: “Việc ấy sẽ xảy ra cách nào, vì tôi không biết đến việc vợ chồng!”

Sứ thần đáp: “Thánh Thần sẽ ngự xuống trên bà, và quyền năng Đấng Tối Cao sẽ rợp bóng trên bà, vì thế, người con sinh ra sẽ là thánh, và được gọi là Con Thiên Chúa. Kìa bà Êlisabét, người họ hàng với bà, tuy già rồi, mà cũng đang cưu mang một người con trai: bà ấy vẫn bị mang tiếng là hiếm hoi, mà nay đã có thai được sáu tháng. Vì đối với Thiên Chúa, không có gì là không thể làm được”.

Bấy giờ bà Maria nói: “Vâng, tôi đây là nữ tỳ của Chúa, xin Chúa cứ làm cho tôi như lời sứ thần nói”. Rồi sứ thần từ biệt ra đi.

Về cơ bản, đoạn Phúc Âm “Truyền Tin” là lời giới thiệu nhân vật chính của Phúc Âm, đó chính là Đức Giêsu: Người là Đấng Thánh, Con Đấng Tối Cao, Con Thiên Chúa và là Đấng Cứu Độ chúng ta.

Gương mặt thứ hai là Đức Maria, người phụ nữ được chọn làm Mẹ Đấng Cứu Thế. Đoạn Phúc Âm này gói trọn cái nhìn của cộng đoàn tiên khởi về Đức Maria:

1. Đức Maria được nhìn như Hòm Bia Giao Ước, Thiên Chúa rợp bóng trên Bà. Bà trở thành nơi Thiên Chúa trú ngụ giữa trần gian.

2. Đức Maria, một mặt vừa biểu trưng cho Ítraen cũ, một mặt vừa biểu trưng cho Ítraen Mới là Hội Thánh; có khi Đức Maria lại đại diện cho cả nhân loại để đứng ra đối thoại với Thiên Chúa về ơn cứu độ.

3. Nhưng đồng thời, Đức Maria là Anawim, tôi tớ khó nghèo của Thiên Chúa. Chính niềm tin trong sáng đã giúp cho Maria đón nhận Lời Chúa và sẵn sàng trở thành khí cụ tuyệt vời cho mầu nhiệm Nhập Thể.

Đó là cái nhìn đầu tiên của Hội Thánh về Mẹ Đức Kitô: “Hãy vui lên, hỡi Đấng đầy ơn phúc, Thiên Chúa ở cùng Bà” (1,28): đây là cả một mầu nhiệm tuyển chọn. Nhưng mầu nhiệm tuyển chọn này phải được hoàn tất trong tiếng “Thưa vâng -tôi sẵn sàng!”. “Thưa vâng” để làm mẹ, để ẵm Con trong tay khi Con còn thơ bé và ẵm xác Con đặt vào mồ. Mẹ đã sống chức Thiên Mẫu trong nước mắt cùng với mầu nhiệm Nhập Thể, Tử Nạn và Phục Sinh của Con mình.

Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã kết thúc Tông thư ROSARIUM VIRGINIS MARIAE (ngày 16.10.2002) bằng lời kinh của Chân phước Bartolo Longo như sau:

Ôi tràng hạt MÂN CÔI của Đức Maria, sợi dây êm ái nối kết chúng tôi với Thiên Chúa, mối ràng buộc chúng tôi với các thiên thần, đồn lũy ơn cứu độ chống lại các cuộc tấn công của Hỏa Ngục, bờ bên an toàn tránh khỏi đắm chìm đồng loạt,

322 ▪ PHỤNG VỤ CHƯ THÁNH, tập 2

chúng tôi không bao giờ từ bỏ bạn. Bạn là nguồn an ủi chúng tôi trong giờ lâm tử: nụ hôn cuối cùng của chúng tôi dành cho bạn khi từ giã cõi đời. Và lời nói cuối cùng thốt lên từ môi miệng chúng con sẽ là danh êm dịu của Mẹ, ôi Nữ Vương Mân Côi ở Pompei. Lạy Mẹ rất yêu dấu, nơi trú ẩn của những người tội lỗi. Ôi, Đấng an ủi tuyệt hảo của kẻ ưu phiền. Nguyên Mẹ được chúc phúc ở mọi nơi, hôm nay và mãi mãi, dưới trần gian và trên các tầng trời.

Chúng ta cũng nên nhìn qua lược sử kinh Mân Côi:

1. Có những thầy dòng không biết chữ, cần được một hình thức cầu nguyện. Người ta đã đề nghị ba cách: a. đọc 2606 lần một câu Thánh Vịnh (đó là tổng cộng các câu Thánh Vịnh) ; b. chỉ đọc một Thánh Vịnh, nhưng 150 lần trong một tuần ; c. đọc 150 kinh Lạy Cha thay thế cho 150 Thánh Vịnh. Thế là chúng ta đã có một chuỗi 150 hạt. Chúng ta cũng đã biết Origenes (+254) và Hilariô thành Poitiê (+367) đề nghị chia Thánh Vịnh ra làm 3 phần, mỗi phần 50 Thánh Vịnh để kính Chúa Ba Ngôi. Thế là chúng ta cũng có một chuỗi 50 hạt.

2. Vào thế kỷ 12-13, các thầy dòng Xitô có thói quen đọc một chuỗi 50 kinh Kính Mừng để kính Đức Mẹ. Việc này phổ biến rất nhanh trong dân chúng bình dân. Và để tránh tính chất máy móc, trước 50 kinh có một câu Tiên Xướng, lấy trong phụng vụ kính Đức Maria.

3. Thầy Dòng Biển Đức Jean de Fécamp (+1078) đề nghị nên chiêm ngắm công trình cứu chuộc của Đức Kitô từ tạo thiên lập địa cho đến tận thế. Thánh Bernard thành Clairvaux (+1153) đề nghị suy niệm đời sống Chúa Kitô từ Nhập Thể cho đến Phục Sinh. Étienne de Sally (+1252) đề nghị suy niệm về các niềm vui của Đức Mẹ.

4. Cách chia 10 kinh Kính Mừng được tách ra bằng một kinh Lạy Cha là do thầy Dòng Chartreux ở Cologne tên là Egher de Kalkar (+1408). Suy niệm về 15 mầu nhiệm của Chúa xuất hiện vào cuối thế kỷ 15. Chuỗi Mân Côi được dòng Đa Minh phổ biến trong các giới Công Giáo.

5. Kinh Kính Mừng thuở ban đầu chỉ gồm 2 câu trong Phúc Âm thánh Luca: *“Kính mừng Bà, đầy ơn phước ; Thiên Chúa ở cùng Bà” (Lc 1,28)* và câu: *“Bà được chúc phúc giữa các người phụ nữ. Và hoa trái lòng Bà được chúc phúc” (Lc 1,42)*. Phụng vụ của thánh Basiliô đã đặt Danh Thánh Maria ngay sau từ Ave vào thế kỷ thứ 6. Phụng vụ thánh Grêgoire Cả có kinh: *“Ave Maria, gratia plena, Dominus tecum, benedicta tu in mulieribus et benedictus fructus ventris tui” – Kính mừng Maria, đầy ơn phước, Đức Chúa Trời ở cùng Bà. Bà có phúc lạ hơn mọi người nữ và hoa trái trong lòng Bà được chúc phúc”*. Vào thế kỷ 12, có kinh Kính Mừng: *“Kính Mừng Maria, đầy ơn phước, Đức Chúa Trời ở cùng Bà, Bà được chúc phúc giữa các người phụ nữ và Hoa Trái lòng Bà là Đức Giêsu Kitô, Đáng là Thiên Chúa vượt trên mọi loài cũng được chúc phúc đến muôn thuở muôn đời. Amen”*. Cho đến thế kỷ 16, kinh Kính Mừng chỉ có thể và được nhiều nhà thần học phổ biến và giải thích: Albertô Cả (+1280), Thomas Aquinô (+1274), Bonaventura (+1274), Antonin (+11459). Dân chúng đã dần dần thêm vào Danh Thánh Chúa Giêsu và kết thúc bằng “Amen”. Dưới lòng nhiệt thành của dân chúng, kinh Kính Mừng được thêm vào những lời cầu. Vào thời thánh Phêrô Canisianus (1521-1597), đã có lời cầu *“Thánh Maria, cầu cho chúng con là kẻ có tội – Sancta Maria, ora pro nobis peccatoribus”*. Một lời cầu khác cũng xuất hiện vào thế kỷ 15, trong một cuốn sách của Dòng Phaxicô vào năm 1525: *“bây giờ và trong giờ lâm tử – Ora pro nobis peccatoribus, nunc et in hora mortis. Amen”*. Kinh Kính

Mừng được xác định như hình thức ngày nay là do Đức Giáo Hoàng Piô V trong kinh Nhật Tụng vào năm 1568.

6. Bỏ túc cuối cùng: a. Thánh Louis-Marie Grignon de Montfort (1673-1716) đề nghị trước khi lần chuỗi, nên đọc một kinh Tin Kính, một kinh Lạy Cha và 3 kinh Kính Mừng ; b. Khi hiện ra ở Fatima ngày 13.07.1917, Đức Mẹ yêu cầu sau kinh Sáng Danh của mỗi chục, nên thêm vào câu: *“Lạy Chúa Giêsu, xin tha tội cho chúng con ; xin cứu chúng con khỏi sa hoả ngục. Xin đem các linh hồn lên thiên đàng, nhất là những linh hồn cần nhờ Chúa thương xót hơn.”*

CẦU NGUYỆN

Lạy Cha, Cha đã dùng lời thiên sứ truyền tin cho chúng con biết thật Đức Kitô Con Cha đã xuống thế làm người. Xin ơn thánh đầy lòng chúng con, để nhờ công ơn Con Cha chịu khổ hình thập giá, và nhờ lời Thánh Mẫu Maria chuyển cầu, Cha cũng cho chúng con được sống lại hiển vinh. Chúng con cầu xin...

(lễ của dòng Đa Minh)

Hôm nay Dòng chúng ta cùng với toàn thể Hội Thánh mừng kính những việc lạ lùng Chúa đã làm cho nhân loại, cùng với Đức Maria sốt sáng suy gẫm những mầu nhiệm về đời sống, cuộc khổ nạn và phục sinh của Chúa Giêsu, Đấng Cứu chuộc chúng ta. Vì Đức Maria, thân mẫu Người, là một “gương mẫu về việc suy niệm Lời Chúa và về sự khôn ngoan trong sứ vụ của mình” (Hiến pháp, số 67, § II). Biết bao ân huệ, chung đúc lại một cách hòa hợp, được tưởng niệm trong một lời cầu nguyện

đặc biệt gọi là “lần chuỗi Mân Côi”. Nên biết rằng kinh này đã phát sinh và tăng triển trong môi trường sinh hoạt và tông đồ của chính dòng chúng ta...

Trong số những anh em có công lớn với kinh Mân Côi, trong việc quy định cấu trúc và cổ võ, truyền bá, trước hết phải kể đến chân phước Alanô Rôc (1423-1473). Kể từ khi chính chân phước lập hội Mân Côi đầu tiên ở Đu-ai năm 1470, và cha Giacôbê Xoporengiê, O.P., lập một hội thời danh khác ở Côlônia, có sự chuẩn y của Toà Thánh năm 1476, các anh em chúng ta không ngừng cổ động hội Mân Côi. Lại nữa, thánh Giáo Hoàng Piô V, trong sắc chỉ CONSUEVERUNT ROMANI PONTIFICES (17.9.1569) đã quy định hẳn hình thức kinh Mân Côi, và trong một sắc chỉ khác, SALVATORIS DOMINI (5.3.1572), Đức Giáo Hoàng lập lễ kính Đức Mẹ thắng trận, sau đổi tên là lễ Đức Mẹ Mân Côi, mừng vào ngày 7.10. Khi canh tân phụng vụ lần mới nhất đây, lễ này vẫn được giữ lại.

Chúng ta có nhiệm vụ cần mãi cổ võ cách thức cầu nguyện này trong các cộng đoàn chúng ta, và sốt sắng phổ biến cho các tín hữu, dùng những điều mới phong phú hóa những điều cũ. Quả thực, kinh Mân Côi “dẫn đưa chúng ta đến việc chiêm niệm mầu nhiệm cứu độ, trong đó, Đức Trinh nữ Maria đã gắn bó chặt chẽ với công trình của Con Mẹ” (Hiến pháp, số 67, § II). Kinh Mân Côi còn là một phương thế rất hữu hiệu để cổ võ đức tin và nuôi dưỡng đời sống Kitô hữu. “Vì chuỗi kinh này hầu như là bản toát yếu bộ Phúc Âm, và do đó, là hình thức đạo đức của Hội Thánh” (Đức Phaolô VI, Tông Huấn RECURRENS MENSIS OCTOBER, 7.10.1969).

✠ *Ngày 09 tháng Mười*

Thánh Dionysiô, Giám Mục và các bạn tử đạo

Thánh Đionysio (Dionysius - Denys) là vị Giám Mục tiên khởi của Paris, thủ đô nước Pháp. Chúng ta cũng đừng lộn với thánh Dionysius, đệ tử của thánh Phaolô và là thành viên của Hội Đồng Aeopagite (Cv 17,34). Theo như tường trình của Grêgôriô thành Tours, vào năm 250, Dionysio được Đức Giáo Hoàng Fabiano cử sang truyền giáo vùng đất sau này trở thành nước Pháp, cùng với 6 vị Giám Mục khác. Tại đây, ngài được phúc tử đạo trong thời bách hại dưới trào hoàng đế Decius. Theo “Hạnh các thánh tử đạo” của thánh Hiêrônimô, Dionysio cùng chịu tử đạo với các bạn là Rusticus và Eleutherius.

CẦU NGUYỆN

Lạy Cha, Cha đã sai thánh Đionysio và các bạn đi rao giảng Tin Mừng cho lương dân, và ban cho các ngài được can đảm chịu cực hình vì Cha. Xin nhậm lời các ngài cầu thay nguyện giúp mà ban cho chúng con lúc thịnh đạt, biết giữ tâm hồn thanh thoát, và khi gặp nghịch cảnh, không nản chí sờn lòng. Chúng con cầu xin...

✠ Thánh Gioan Lêônardô, Linh Mục

Sinh gần thành Lucca (Toscana) năm 1541, qua đời tại Rôma ngày 9.10.1609.

Gioan Lêônardô sinh năm 1541 gần Lucca miền Toscana, nước Ý. Cha mẹ là dược sĩ, ngài cũng tiếp tục nghề này cho đến năm 25 tuổi; sau đó bỏ tất cả để đi học thần học và năm 1571 chịu chức Linh Mục. Ngoài những hoạt động ở nhà thương và lao xá, ngài theo tinh thần canh tân của Công Đồng Tridentinô lo việc hướng dẫn giới trẻ.

Năm 1574 ngài cho xuất bản một quyển sách để dạy giáo lý. Để bảo trợ và tiếp nối công trình, ngài lập một tu hội giáo dân, được đức Giám Mục Lucca và sau này còn được Đức Thánh Cha Clémentê VIII công nhận. Cũng trong năm 1574, ngài thành lập Hội Dòng “Các giáo sĩ Mẹ Thiên Chúa” (Congrégation des Clercs de la Mère de Dieu) (sau này phối hợp lại với dòng Piarist, (xem thánh Giuse thành Calasanza, ngày 25.8). Với những cố gắng canh tân, ngài gặp nhiều chống đối tại Lucca, đến độ ngài và cả Hội Dòng phải bỏ Lucca, chạy về Rôma.

Tại Rôma, ngài thúc đẩy việc canh tân nhà thương cũng như về giáo dục. Đức Thánh Cha Clémentê VIII trao cho ngài nhiệm vụ đi kinh lý và canh tân nhiều dòng tu. Năm 1603, ngài thành lập tại Rôma một học xá để đào tạo các nhà truyền giáo, đó là nền móng cho trường Truyền Giáo sau này (Prophaganda Fidei).

Ngài qua đời tại Rôma ngày 9.10.1609. Mãi đến năm 1938 mới được tuyên thánh.

Trích thư thánh Gioan Lêônardô gửi Đức Giáo Hoàng Phaolô V, nói về việc canh tân toàn thể Hội Thánh

“Những ai muốn chấn hưng phong hóa cần nhất phải lo tìm vinh danh Chúa trên hết mọi sự. Người là nguồn phát sinh mọi điều thiện hảo; nên họ phải cầu xin và trông đợi Người trợ

giúp trong công việc hữu ích nhưng vô cùng khó khăn thể ấy. Sau đó, họ phải đặt mình trước mặt những người mà họ muốn cải cách như là tấm gương về mọi nhân đức, và như những ngọn đèn đặt trên giá, để bằng đời sống thanh liêm và phong thái rạng ngời, họ chiếu sáng cho mọi người cư ngụ trong nhà Thiên Chúa. Như vậy, họ sẽ êm đềm lôi cuốn người ta vào việc phục hưng hơn là cưỡng bức người ta. Đúng như lời Công Đồng Trentô: đừng đòi ở thân điều không có ở đầu, kéo làm như thế sẽ lung lạc cả cơ chế về trật tự của toàn thể gia đình Chúa. Ngoài ra, họ phải như những vị y sĩ rất khôn ngoan, ân cần hiểu biết tường tận hết mọi thứ bệnh tật đang làm cho Hội Thánh phải đau đớn và đòi phải sửa trị để biết áp dụng những phương dược thích hợp cho mỗi thứ bệnh tật”.

CGKPV, trang 436-437.

CẦU NGUYỆN

Lạy Cha là Đấng ban phát mọi ơn lành, Cha đã khơi dậy trong lòng thánh Gioan Lêônardô niềm khát vọng rao giảng Tin Mừng cho muôn dân. Vì lời thánh nhân chuyển cầu, xin cho công cuộc truyền bá đức tin hằng phát triển trên toàn thế giới. Chúng con cầu xin...

✠ *Ngày 10 tháng Mười*

Thánh Đanien và các bạn tử đạo

(lễ của dòng I Phanxicô)

Ý niệm truyền giáo rất mãnh liệt trong tâm hồn của thánh Phanxicô. Ngay lúc sinh thời, ngài đã sai môn đệ sang xứ Maroc để chinh phục người Hồi Giáo. Phái đoàn đầu tiên được lãnh nhận triều thiên tử đạo, đã tạo được một khích lệ lớn lao cho cả Dòng. Thế là phái đoàn thứ hai được thành lập.

Năm 1227, cha Đanien và 6 tu sĩ: Angielô, Samuyen, Đonuylo, Lêong, Hugôlin và Nicôla được ủy thác sang Maroc lần thứ hai. Phái đoàn xuống thuyền và đến thành Xola thuộc Maroc, thành này nổi tiếng bách hại Công Giáo nhất. Sau một đêm cầu nguyện, xưng tội, rước lễ cùng rửa chân cho nhau theo gương Thầy Chí Thánh, các ngài dậy sớm, lên đường vào thành. Các ngài chia nhau tản mác ra khắp các khu phố, rồi đứng ở đấy, mạnh dạn lớn tiếng vạch rõ những sai lầm của tà giáo; sau đó giảng về Đức Kitô cứu chuộc nhân loại...

Viên thị trưởng liền cho bắt giam tất cả. Sau nhiều ngày tra tấn, dọa nạt, đồ dành, dùng mọi mưu chước để làm lung lay đức tin, nhưng vô hiệu, họ liền tâu lên vua. Vua ra án tử. Khi nghe bản án được ban ra, các ngài vui sướng ca hát, ngợi khen Thiên Chúa cả đêm, làm viên cai ngục và cả dân chúng đều kinh ngạc.

Sáng hôm sau, cha Đanien chúc lành các bạn hữu, ôm hôn từng người và qua nước mắt, ngài nói: “Hỡi anh em! hãy vui lên trong Chúa! Đây là ngày đại hội của chúng ta. Các thiên thần đã sẵn sàng đón rước linh hồn chúng ta về nhà Chúa, trên

330 ▪ PHỤNG VỤ CHƯ THÁNH, tập 2

Thiên Quốc. Ngày hôm nay, các Thánh Tử Đạo hân hoan tiếp nhận chúng ta vào đạo binh các ngài. Nước Trời rộng mở, chờ đón chúng ta! Chúng ta sắp đoạt được hạnh phúc viên mãn và bất tận!”. Sau đó tất cả bị chém đầu. Đó là ngày 10.10.1227.

Đức Thánh Cha Lêô X đã tuyên các ngài lên bậc hiển thánh.

CẦU NGUYỆN

Lạy Thiên Chúa toàn năng hằng hữu, Cha đã ban cho thánh Đanien và các bạn hữu biết chịu đau khổ vì Đức Kitô. Xin ban ơn Thánh Linh trợ giúp sự yếu đuối của chúng con để như các ngài đã không ngại chết vì Cha, chúng con được sống vĩnh vàng mà tuyên xưng Danh Cha. Chúng con cầu xin...

✠ *Ngày 11 tháng Mười*

Thánh Gioan XXIII, Giáo Hoàng

Angelo Giuseppe Roncalli sinh ngày 25 tháng 11 năm 1881, tại Sotto il Monte, thuộc giáo phận và tỉnh Bergamo. Là con thứ tư của gia đình, ngài được rửa tội cùng ngày. Dưới sự dìu dắt của vị Linh Mục chính xứ xuất chúng, Cha Francesco Rebuzzini, ngài được đào tạo sâu sắc về phương diện Giáo Hội, một sự đào tạo sẽ nâng đỡ ngài trong lúc khó khăn và gợi hứng cho ngài trong các công tác tông đồ.

Ngài được thêm sức và rước lễ lần đầu năm 1889 và gia nhập chủng viện Bergamo năm 1892. Ngài tiếp tục học cổ điển và thần học tại đây cho tới năm thứ hai thần học. Mới chỉ là một thiếu niên 14 tuổi, ngài đã bắt đầu viết nhật ký thiêng liêng và

lưu giữ chúng dưới nhiều hình thức khác nhau cho tới ngày qua đời. Sau này, tất cả các nhật ký này đã được gom lại thành cuốn *Nhật Ký Của Một Linh Hồn*. Chính tại nơi này, ngài bắt đầu thực hành đều đặn việc linh hướng. Ngày 1 tháng 3 năm 1896, vị linh hướng của Chung Viện Bergamo, Cha Luigi Isacchi, ghi danh cho ngài gia nhập Dòng Ba Phanxicô; ngài khẩn luật dòng này ngày 23 tháng 5 năm 1897.

Từ năm 1901 tới năm 1905, ngài theo học Giáo Hoàng Chung Viện Rôma, nơi ngài được giáo phận Bergamo cấp học bổng cho các sinh viên ưu tú. Trong khoảng thời gian này, ngài hoàn tất một năm nghĩa vụ quân sự. Ngài được truyền chức Linh Mục ngày 10 tháng 8 năm 1904 ở Rôma, tại nhà thờ Santa Maria in Monte Santo in Piazza del Popolo. Năm 1905, ngài được cử làm thư ký cho tân Giám Mục của giáo phận Bergamo, là Đức Cha Giacomo Maria Radini Tedeschi. Ngài giữ vai trò này cho tới năm 1914, tháp tùng Đức Cha đi thăm viếng mục vụ và tham gia nhiều sáng kiến mục vụ khác như hội đồng Giám Mục, viết xã luận cho nguyệt san giáo phận tên là *La Vita Diocesana* (Sinh Hoạt Giáo Phận), đi hành hương và nhiều công trình xã hội khác nhau. Ngài cũng dạy các môn lịch sử, giáo phụ học và hộ giáo tại chung viện. Năm 1910, khi duyệt lại quy chế của Công Giáo Tiến Hành, Đức Cha giáo phận trao cho ngài việc chăm sóc mục vụ cho các phụ nữ Công Giáo (phân bộ V). Ngài thường xuyên viết cho nhật báo Công Giáo của giáo phận Bergamo. Ngài cũng là một diễn giả cần mẫn, sâu sắc và hữu hiệu.

Đó là những năm ngài tiếp xúc sâu sắc với các vị thánh Giám Mục: Thánh Charles Borromeo (mà tác phẩm *Atti della Visita Apostolica*, được hoàn thành tại Bergamo năm 1575, sẽ được chính ngài phát hành sau này), Thánh Phanxicô de Sales và chân phúc Gregorio Barbarigo. Đó cũng là những năm tháng

332 ▪ PHỤNG VỤ CHƯ THÁNH, tập 2

hoạt động mục vụ vĩ đại bên cạnh Đức Cha Radini Tedeschi. Khi vị này qua đời vào năm 1914, Cha Roncalli tiếp tục thừa tác vụ Linh Mục của mình trong vai trò giáo sư chủng viện và phụ tá linh hướng cho nhiều hiệp hội Công Giáo.

Khi Ý tham chiến vào năm 1915, ngài bị gọi thực hành nghĩa vụ quân sự trong tư cách trung sĩ quân y. Một năm sau, ngài trở thành tuyên úy quân đội, phục vụ tại các bệnh viện quân sự tại hậu phương, và phối hợp việc chăm sóc thiêng liêng và luân lý cho các binh sĩ. Lúc chấm dứt chiến tranh, ngài mở một Cư Xá Cho Các Sinh Viên và chính ngài cũng phục vụ làm tuyên úy cho sinh viên. Năm 1919, ngài được cử làm linh hướng cho chủng viện.

Năm 1921 đánh dấu giai đoạn hai trong cuộc đời của ngài: phục vụ Tòa Thánh. Được Đức Bênêđictô XV triệu về Rôma làm chủ tịch hội đồng trung ương Hội Truyền Bá Đức Tin của Ý, ngài đi thăm nhiều giáo phận và nhiều giới truyền giáo có tổ chức của Ý. Năm 1925, Đức Piô XI cử ngài làm Khâm Sứ Tòa Thánh tại Bulgaria, nâng ngài lên chức Giám Mục, hiệu tòa Areopolis. Ngài chọn khẩu hiệu Giám Mục là “Oboedientia et Pax” (“Vâng Lời và Bình An”), một khẩu hiệu được dùng làm chương trình cho đời ngài.

Được phong chức Giám Mục ngày 19 tháng 3, năm 1925, ngài tới Sophia ngày 25 tháng 4. Sau đó, được cử làm Đại Diện Tòa Thánh đầu tiên tại Bulgaria, Đức Tổng Giám Mục Roncalli tiếp tục phục vụ tại đây cho tới năm 1934, thăm viếng các cộng đoàn Kitô Giáo và phát huy các mối liên hệ tương kính đối với các cộng đoàn Kitô Giáo khác. Ngài có mặt và cung cấp nhiều trợ giúp bác ái trong vụ động đất năm 1928. Ngài âm thầm chịu đựng các hiểm họa cũng như các khó khăn của một thừa tác vụ

lúc tiến ngừng. Ngài phát triển việc hiểu mình và niềm tự tin cũng như phó thác trong tay Chúa Kitô chịu đóng đinh.

Ngày 27 tháng 11 năm 1934, Ngài được cử làm Đại Diện Tòa Thánh tại Thổ Nhĩ Kỳ và Hy Lạp. Trách nhiệm mới của ngài bao trùm một khu vực khá rộng. Giáo Hội Công Giáo hiện diện nhiều cách tại Cộng Hoà non trẻ Thổ Nhĩ Kỳ; Cộng Hoà này đang trong diễn trình đổi mới và tự tổ chức. Thừa tác vụ của ngài đối với người Công Giáo khá đòi hỏi và ngài được tiếng trong cung cách kính trọng của ngài và trong việc đối thoại với người Chính Thống Giáo và Hồi Giáo. Lúc Thế Chiến Hai bùng nổ, ngài đang có mặt tại Hy Lạp, lúc ấy đang bị chiến trận tàn phá. Ngài tìm cách thu lượm tin tức về tù binh chiến tranh và ra tay cứu sống nhiều người Do Thái bằng cách phát hành nhiều chiếu khán quá cảnh cho họ. Ngày 6 tháng 12 năm 1944, ngài được Đức Piô XII cử làm Sứ Thần Tòa Thánh tại Paris.

Trong những ngày cuối cùng của chiến tranh và trong những ngày đầu của hoà bình, Đức TGM Roncalli trợ giúp các tù binh chiến tranh và góp tay phục hồi ổn định cho sinh hoạt của Giáo Hội Pháp. Ngài thăm viếng các đền thờ của Pháp và tham dự các lễ lạy bình dân cũng như các biến cố tôn giáo có ý nghĩa hơn. Ngài chăm chú, khôn ngoan và đáng tin trong cách tiếp cận với các sáng kiến mục vụ mới do các Linh Mục và Giám Mục Pháp đưa ra. Ngài không ngừng tìm cách nhập thân tính đơn giản của Tin Mừng, cả khi phải đương đầu với những vấn đề ngoại giao phức tạp nhất. Ý muốn trở thành Linh Mục luôn nâng đỡ ngài trong mọi hoàn cảnh. Lòng đạo đức sâu sắc của ngài được phát biểu rõ ràng trong các thời điểm cầu nguyện và suy ngẫm.

334 ■ PHỤNG VỤ CHƯ THÁNH, tập 2

Ngày 12 tháng 01 năm 1953, ngài được tấn phong Hồng Y và ngày 25 tháng 01, ngài được cử làm Thượng Phụ Venic e. Ngài hân hoan được tận hiến quăng đời sau cùng của ngài cho thừa tác vụ mục vụ trực tiếp, một nguyện vọng ngài luôn trân quý trong đời Linh Mục. Ngài là một mục tử khôn ngoan và đầy sinh lực, sẵn sàng bước theo chân các vị Giám Mục thánh thiện mà ngài hằng ngưỡng mộ: Thánh Lorenzo Giustiniani, thượng phụ tiên khởi của Venice và thánh Piô X. Càng có tuổi, ngài càng tin thác nơi Chúa Kitô, trong bối cảnh một thừa tác vụ tích cực, mạnh dạn và đầy hân hoan.

Sau khi Đức Piô XII qua đời, ngài được bầu làm Giáo Hoàng ngày 28 tháng 10 năm 1958, lấy tên là Gioan XXIII. Trong 5 năm làm Giáo Hoàng, ngài xuất hiện với thế giới như là hình ảnh đích thực của Người Chăn Chiên Tốt Lành. Khiêm nhường và hiền lành, tháo vát và đảm lược, đơn sơ và luôn tích cực, ngài đảm nhiệm nhiều công trình bác ái phần xác và phần hồn, thăm viếng tù nhân và người bệnh, chào đón người thuộc mọi quốc gia và tôn giáo, biểu lộ một cảm thức phụ tử tuyệt diệu với mọi con người. Huấn quyền xã hội của ngài chứa đựng trong thông điệp Mạ và Thầy (1961) và Hoà Bình Trên Trái Đất (1963).

Ngài triệu tập Công Đồng Rôma, thiết lập Ủy Ban Duyệt Xét Bộ Giáo Luật, và triệu tập Công Đồng Vatican II. Là Giám Mục Rôma, ngài đi thăm các giáo xứ và các nhà thờ trong trung tâm lịch sử và các khu ngoại thành. Nơi ngài, dân chúng nhận ra sự phản ánh của “benignitas Evangelica” (“lòng nhân hậu của Tin Mừng”) nên đã gọi ngài là “vị Giáo Hoàng nhân hậu”. Một tinh thần cầu nguyện sâu sắc luôn nâng đỡ ngài. Là sức mạnh lèo lái đứng đằng sau phong trào canh tân Giáo Hội, ngài nhập thân sự bình an của một người luôn tin thác hoàn toàn nơi Chúa. Ngài cương quyết tiến bước trên con đường Phúc Âm

hoá, đại kết và đối thoại, và biểu lộ một quan tâm phụ tử muốn vươn tay ra cho tất cả những con cái cơ cực nhất.

Ngài qua đời tối ngày 3 tháng 6 năm 1963, ngày Lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống, trong một tinh thần phó thác sâu xa cho Chúa Giêsu, tha thiết được nằm trong vòng tay Người, và được bao bọc bằng lời cầu nguyện của toàn thế giới; dường như cả thế giới đang quây quần cạnh giường ngài để cùng ngài thở hơi thở yêu thương Chúa Cha.

Đức Gioan XXIII được Đức Gioan Phaolô II tuyên chân phúc ngày 03 tháng 9 năm 2000 tại Công Trường Nhà Thờ Thánh Phêrô, trong Đại Năm Thánh 2000. Ngày 27.4.2014, tại Rôma, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã tuyên thánh cho Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII.

(Tiểu sử của vatican.va ;

bản dịch của Vietcatholic)

Bài giảng của Đức Giáo Hoàng Phanxicô trong ngày lễ tuyên thánh, 27.04.2014

Niềm hy vọng và niềm vui này được cảm nghiệm trong cộng đoàn đầu tiên của các tín hữu ở Jerusalem, như sách Tông đồ công vụ kể lại (Cv 2,42-47). Đó là một cộng đoàn trong đó nòng cốt của Tin Mừng được sống thực, nghĩa là tình thương, lòng từ bi, trong đơn sơ và huynh đệ.

Và đó là hình ảnh Giáo Hội mà Công Đồng chung Vatican 2 đã có trước mắt. Đức Gioan 23 và Gioan Phaolô 2 đã cộng tác với Chúa Thánh Linh để phục hồi và canh tân Giáo Hội theo dạng thức nguyên thủy, dạng thức mà các thánh qua các thế kỷ đã mang lại cho Giáo Hội. Chúng ta đừng quên rằng chính các thánh đã làm cho Giáo Hội tiến bước và tăng trưởng. Trong việc triệu tập Công Đồng chung Vatican 2, Đức Gioan 23 đã

336 ▪ PHỤNG VỤ CHƯ THÁNH, tập 2

chúng tỏ một thái độ ngoan ngoãn đối với Chúa Thánh Linh, đã đề cho Chúa hướng dẫn, và đối với Giáo Hội, Người là một vị mục tử đối với Hội Thánh, một vị hướng đạo được hướng dẫn. Đó chính là một sự phục vụ cao cả Người dành cho Giáo Hội; Người là một vị Giáo Hoàng ngoan ngoãn tuân theo Chúa Thánh Linh.

Trong việc phục vụ Dân Chúa, Đức Gioan Phaolô II là vị Giáo Hoàng của gia đình. Chính Người đã có lần nói là muốn được nhắc nhớ đến như vị Giáo Hoàng của gia đình. Tôi vui lòng nhấn mạnh điều đó trong lúc chúng ta đang sống hành trình Thượng HĐGM về gia đình và với các gia đình, một hành trình mà từ trời cao, chắc chắn Người đang tháp tùng và hỗ trợ. Xin cả hai vị tân Hiển Thánh Mục Tử của Dân Chúa chuyển cầu cho Giáo Hội, để trong hai năm hành trình Thượng HĐGM này, Giáo Hội ngoan ngoãn tuân theo chỉ dạy của Chúa Thánh Linh trong việc phục vụ mục vụ gia đình. Xin cả hai thánh nhân dạy chúng ta đừng coi các vết thương của Chúa Kitô như có vấp phạm, tập trung vào mâu nhiệm từ bi của Chúa, luôn hy vọng, luôn tha thứ, luôn yêu thương.

✠ Thánh Phêrô Lê Tuy (1773-1833), Linh Mục, tử đạo

Phêrô LÊ TÙY sinh năm 1773 tại làng Bằng Sở, huyện Thành Trì, tỉnh Hà Đông.

Lớn lên đi học tại Tiểu chủng viện Kẻ Vĩnh cho tới khi chịu chức Phó Tế. Thầy được Đức Cha Lamotte, Giám Mục hiệu toà Cestoria, phụ tá cho đức cha Giacôbê Benjamin Loyer, truyền chức Linh Mục. Sau đó ngài được bổ nhiệm làm phó xứ

Đông Thành, rồi Chân Lộc. Ít lâu sau, ngài được cử làm quản xứ ở Nam Đường. Dù ở nơi đâu, giữ bất cứ chức vụ nào, ngài luôn luôn sốt sắng thi hành nhiệm vụ của mình.

Ngày 25.6.1833, khi đi làm phúc cho một bệnh nhân hấp hối tại họ lẻ, ngài bị kẻ ngoại bắt nộp cho quan, sau đó bị giải về Nghệ an chịu tra khảo. Mặc dù luật nhà nước cấm tra tấn và xử tử người già trên 60 tuổi, nhưng vua Minh Mạng vẫn ra án trăm quyết cho ngài. Chúng ta nhớ ngày 6.1.1833 Minh Mạng đã ra chiếu chỉ đầu tiên bách hại đạo, thêm vào đó tháng 2.1833 bùng nổ cuộc nổi loạn của Lê Văn Khôi ở miền Nam. Vua kết án các người có đạo đều có ý đồ phản loạn, nên truy lùng và giết hại thẳng tay.

Ngày 10.10.1833 án tử hình về tới Nghệ An. Hôm sau, ngày 11.10.1833 ngài bị chém đầu ở chợ Quân Ban, hưởng thọ 60 tuổi. Thi thể của ngài được an táng ở nhà thờ Tràng Nứa. Vài năm sau, được cải táng và đem về giữ tại trường Truyền Giáo Paris.

Đức Thánh Cha Lêô XIII đã tuyên chân phước cho ngài vào ngày 27.5.1900.

✠ *Ngày 12 tháng Mười*

**Thánh Xêraphinô
thành Môngtêgranacô (1540-1604)**

(Lễ của dòng I Phanxicô)

Xêraphinô sinh năm 1540 tại thành Môngtê-Granacô nước Ý, trong một gia đình tầm thường và nghèo khổ. Mồ côi cha từ lúc bé, em bị người anh cả đối xử tàn tệ, bắt em phải đi chăn cừu với một khúc bánh mì khô, một manh áo mỏng. Bù lại, em may mắn có được bà mẹ hiền lành, thương yêu và hướng dẫn em trong đường mến Chúa yêu người.

Lúc lên 16 tuổi, Xêraphinô xin gia nhập Dòng Anh Em Hèn Mọn ngành đội lúp dài ở bậc thiện tu. Thầy được trao cho nhiệm vụ giữ cửa tu viện. Thầy đã chu toàn trọn hảo nhiệm vụ này. Thầy còn nổi bậc trong đức vâng lời, khiêm nhường và bác ái bao la.

Ngoài những giờ kinh chung, thầy quỳ suốt ba bốn giờ liền trước nhà tạm để nguyện ngắm. Thầy có lòng kính mến Bí Tích Thánh Thể, nên trong lúc quỳ bên nhà tạm lâu giờ, thầy thường được Chúa cho ngất trí, thấu suốt nhiều sự cao siêu mầu nhiệm. Thầy còn làm nhiều phép lạ: chỉ cần giơ tay làm dấu Thánh Giá thì hàng loạt bệnh nhân để trước mặt được lành bệnh.

Thầy Xêraphinô qua đời tại nhà dòng ở Átxôli ngày 12.10.1606, hưởng thọ 64 tuổi. Đức Thánh Cha Clémentê đã tuyên thầy lên bậc hiển thánh vào năm 1767.

✠ *Ngày 14 tháng Mười*

Thánh Calístô, Giáo Hoàng, tử đạo

Ở ngôi Giáo Hoàng trong những năm 217-222.

Thánh CALIXTUS thuộc giai cấp bần cùng ở Rôma. Đức Giáo Hoàng Zéphirin (199-217) đã phong ngài lên chức Phó Tế vào năm 199 và giao trách nhiệm chôn cất các Kitô hữu trong hang toại đạo trên đường Via Appia.

Khi Đức Thánh Cha Zéphirin qua đời vào năm 217, hàng giáo sĩ và giáo dân ở Rôma bầu ngài lên làm Giáo Hoàng (217-222). Linh Mục Hippolit (xem ngày 13.8) cực lực phản đối cuộc bầu cử này và kết án ngài là lạc đạo và theo phái khoan nhượng trong vấn đề cho phép kẻ chối đạo ăn năn trở lại được tái gia nhập Hội Thánh.

Các nguồn tin về cuộc tử đạo của thánh Calixtus vào năm 222 không được chính xác mấy. Chúng ta chỉ biết giáo đoàn Rôma tôn kính ngài như vị thánh tử đạo; lịch Công Giáo nói rõ vào năm 354 là xác ngài được chôn cất tại Đất thánh Trastevere.

CẦU NGUYỆN

Lạy Cha, ngày hôm nay chúng con mừng kính thánh Calístô, Giáo Hoàng, tử đạo. Vì công đức của người, xin Cha thương nhậm lời chúng con khẩn nguyện mà che chở giữ gìn chúng con. Chúng con cầu xin...

**✠ Thánh Gioan Ogilvie,
Linh Mục, tử đạo**

(Lễ của dòng Tên)

Thánh Gioan Ogilvie sinh năm 1579 tại Drumma Keith In Banffshire, Tô Cách Lan, trong một gia đình quý phái theo đạo Tin Lành, và được giáo dục trong trường học Tin Lành.

Năm 16 tuổi, ngài được gửi đến Louvain nước Bỉ để tiếp tục việc học. Nhờ một Linh Mục hướng dẫn, ngài được nhận vào Hội Thánh Công Giáo, rồi vào Dòng Tên năm 1599. Sau khi hoàn tất việc học, ngài chịu chức Linh Mục tại Paris năm 1610, ngài được phép trở về quê hương để nâng đỡ và củng cố đức tin người Công Giáo đang bị chính quyền ngăn cấm.

Sống chui rúc để hoạt động tông đồ lén lút, ngài đưa được nhiều người Tin Lành trở về với Hội Thánh Công Giáo và gây được hứng khởi trong hàng ngũ Công Giáo. Sau một năm rưỡi, ngài bị phản bội và bị bắt tại Glasgow. Người ta quết rũ, dọa nạt, hành hạ ngài đủ cách, nhưng không lay chuyển được ý chí sắt đá của ngài. Tội duy nhất của ngài là nhìn nhận quyền tối thượng của Đức Thánh Cha chứ không phải của vua trong Hội Thánh, do đó bị kết án phản quốc. Ngài luôn tỏ ra bình tĩnh, dĩ dảm và khôi hài trong các cuộc thẩm vấn cũng như tra khảo. Cuối cùng, ngài bị treo cổ ngày 10.3.1615 tại Glasgow. Ngài được Đức Thánh Cha Phaolô VI tuyên thánh năm 1976.

CẦU NGUYỆN

Lạy Cha, Cha đã bày tỏ sức mạnh của Thánh Thần trong đời sống và cái chết của thánh tử đạo Gioan Ogilvie. Nhờ gương sáng và lời cầu khẩn của ngài, xin ban cho chúng con sức mạnh để phục vụ Cha dưới cờ Thập Giá, và thi hành sứ mạng được vị kế nhiệm Thánh Phêrô ủy thác trong mọi xứ mọi miền. Chúng con cầu xin...

✠ *Ngày 15 tháng Mười*

**Thánh Têrêsa Giêsu,
trinh nữ, tiên sĩ Hội Thánh,
lễ nhớ**

Sinh tại Avila (castille) năm 1515. Qua đời tại Alba de Tormès ngày 15.10.1582.

Thánh Têrêsa Giêsu (nguyên tên là Teresa Sánchez de Cepeda y Ahumada) sinh năm 1515 tại Avila, nước Tây Ban Nha. Trong gia đình, người ta đọc Thánh Kinh và cả các sách của Virgil, cũng như Cicero. Đó là thời phong trào Nhân Bản và Phục Hưng.

Lúc 19 tuổi, bà bước vào dòng Cát Minh tại Avila. Lúc ấy sinh hoạt của dòng còn rất thoải mái: các nữ tu có thể tiếp khách tự do và nếu bữa ăn quá kém, các chị có thể vào thành để đi ăn tiệm. Têrêsa cũng đã sống thoải mái như thế khoảng 15 năm.

Vào năm 1555 Têrêsa cảm nghiệm một cuộc chuyển đổi nội tâm sâu xa, khi bà nhìn một bức ảnh Chúa Giêsu bị trói vào trụ đá để chịu đánh đòn. Từ ngày đó sức thần linh tuôn đổ trên bà với sức mạnh làm cho bà và nhiều người khác phải khủng khiếp. Những thị kiến của bà đều được các nhà thần học nổi tiếng công nhận là thực và xác nhận lời dạy của bà đi đúng với đức tin Công Giáo.

Sau một thị kiến khủng khiếp vào năm 1560, Têrêsa tuyên khấn sẽ thực hiện những gì toàn thiện tuyệt hảo và trung thành tuân giữ luật dòng cách nhiệm nhặt. Với dự định đưa dòng trở

342 ▪ PHỤNG VỤ CHƯ THÁNH, tập 2

lại nếp sống khổ hạnh cũ, bà được thánh Phêrô Alcantara và sau đó là thánh Gioan Thánh Giá (mừng ngày 14.12) hỗ trợ.

Bắt đầu từ năm 1562, bà thành lập những tu viện Cát Minh “cải tổ” được gọi là những chị “đi chân đất”. Tất cả là 18 tu viện trên đất Tây Ban Nha. Tất cả các chị hoàn toàn cách ly với trần thế, tận hiến cuộc đời cho kinh nguyện.

Theo lời khuyên của thánh Gioan Thánh Giá, bà ghi lại ký ức về cuộc đời cũng như việc canh tân dòng bằng tiếng Tây Ban Nha. Tác phẩm quan trọng nhất của bà là quyển “Lâu đài nội tâm” xuất bản năm 1573.

Thánh nữ Têrêsa Avila là một người đàn bà đặc biệt với tâm hồn nhiệt thành, một trực giác sáng suốt và một tài tổ chức đáng kinh ngạc. Bà qua đời vào ngày 15.10.1582.

Đức Thánh Cha Phaolô VI vào năm 1970 đã nâng bà và bà thánh Catarina thành Sienna lên hàng tiến sĩ Hội Thánh.

Trích tác phẩm của thánh Têrêsa Avila

Mỗi khi suy tưởng đến Đức Kitô, chúng ta hãy luôn nhớ đến tình yêu đã giục Người ban cho chúng ta biết bao ân huệ. Hãy nhớ Thiên Chúa đã bày tỏ Người yêu chúng ta biết bao khi cho chúng ta bằng chứng cả thể như vậy về tình yêu của Đức Kitô đối với chúng ta; và vì tình yêu đòi hỏi tình yêu, nên chúng ta hãy làm thế nào để luôn nhớ điều ấy, hầu nhờ đó mà thúc giục mình yêu mến. Thật vậy, nếu Thiên Chúa chỉ ban ơn này cho chúng ta một lần thôi, đó là ghi khắc sâu đậm tình yêu vào lòng chúng ta thì mọi sự sẽ rất dễ dàng và chỉ trong chốc lát chúng ta sẽ tiến lên rất nhiều và không phải khó nhọc gì.

CGKPV, trang 443.

CẦU NGUYỆN

Lạy Cha, Cha đã ban ơn Thánh Thần soi sáng thánh Têrêsa Giêsu để người vạch ra cho Hội Thánh một con đường dẫn tới đỉnh cao toàn thiện. Xin cho chúng con được hấp thụ giáo huấn của người và luôn khát khao sống cuộc đời lành thánh. Chúng con cầu xin...

✠ *Ngày 16 tháng Mười*

Thánh nữ Hedvig, nữ tu

Sinh tại Bavière năm 1174, qua đời tại Trebnitz (Ba Lan) ngày 15.10.1243.

Thánh Hedwig, nữ quận công của miền Schlesien, xuất thân từ gia đình quý tộc Andechs-Meran. Bà là cô của nữ thánh Elisabeth thành Thüringen. Sinh năm 1174; năm 13 tuổi đã kết hôn với Henri I “Râu Rậm” của Schlesien. Cuộc sống không mấy hạnh phúc.

Nhiều hung tin về gia đình và lâu đài Andechs đến với bà: có một cuộc tranh chấp đổ máu trong nội bộ gia đình bà. Bà đã học hỏi lấy tình yêu để đáp lại hận thù, lấy đền tội để đáp lại lỗi lầm, và bà đã trở thành một hỡi nhân trong cuộc sống, từ ăn uống đến trang phục, luôn đi chân không ngay cả trong mùa đông giá rét. Cuộc sống khổ hạnh suýt làm bà bỏ mạng.

Dù vậy, bà là một người vợ gương mẫu, người mẹ của 7 đứa con. Bà cai trị đất nước với lời khuyên và cầu nguyện. Bà chăm sóc đến người nghèo và bệnh nhân. Bà luôn luôn nhìn thấy Chúa hiện diện trong con người và trong vạn vật.

344 ▪ PHỤNG VỤ CHƯ THÁNH, tập 2

Năm 1238 người chồng qua đời; bà vào sống trong một nữ đan viện khổ hạnh Zisterien Trebuitz ở Breslau, sống nghiêm nhặt theo luật dòng, dù bà không có lời khẩn. Bà qua đời tại đây ngày 15.10.1243.

Trích sách đời sống của thánh nữ Hédwig của một tác giả đồng thời

Tâm hồn sốt mến làm cho ngài luôn hướng về Thiên Chúa thế nào, thì lòng nhân ái cũng làm cho ngài hướng về tha nhân, qua việc bố thí rộng rãi cho kẻ cùng khốn như vậy. Các đoàn thể và các người đạo đức, ở trong cũng như ở ngoài các tu viện, những cô nhi quả phụ, những kẻ bệnh tật yếu đau, những người phung hủi, các tù nhân trong ngục, các lữ khách và những người phụ nữ nuôi con nghèo đói, tất cả đều được ngài gia ân giúp đỡ, và hầu như không ai đến xin trợ giúp mà ngài để họ thất vọng ra về.

CGKPV, trang 445.

CẦU NGUYỆN

Lạy Thiên Chúa toàn năng, Cha đã lấy đời sống lạ lùng của thánh Hét-vích để nêu gương khiêm nhường cho mọi người. Vì lời chuyển cầu của thánh nữ, xin Cha thương ban ơn trợ giúp chúng con trên đường về quê trời. Chúng con cầu xin...

✠ Thánh Giêrôđô Majella (1726-1755), tu sĩ (Dòng Chúa Cứu Thế)

Sinh tại Muro Lucano, trong vương quốc Naples (Ý), mồ côi cha từ lúc nhỏ, nối nghề cha làm thợ may, rất có lòng đạo đức, muốn làm tu sĩ, nhưng vì sức khỏe không được nơi nào

nhận. Trong một tuần đại phúc do các cha dòng Chúa Cứu Thế thuyết giảng, Giêrăđô được nhận “cách bất đắc dĩ” vào Dòng như một tu huynh không làm Linh Mục. Nhưng con người được giới thiệu là “kẻ vô dụng” ấy đã trở nên một vinh dự cho Dòng. Đời ngài là một chuỗi dài phép lạ: xuất thần, nói tiên tri, bắt bí ma quỷ, làm cho nhiều người trở lại, ở hai chỗ một lúc... Nhưng nhất là người có lòng yêu mến Chúa cao độ và một đức khiêm nhường sâu thẳm. Bị một cô gái cáo gian, bị chính thánh Anphongsô, Đấng sáng lập Dòng, ra án phạt không được chịu lễ, Giêrăđô một mực giữ im lặng. Khi cô thiếu nữ bị lương tâm giày vò, thú tội cáo gian, minh oan cho ngài, Giêrăđô được Anphongsô vặn hỏi: “Sao con không nói?”, đã trả lời: “Vì trong luật Dòng dạy không được chữa lỗi!”.

Giêrăđô qua đời lúc mới 29 tuổi. Ngài được tuyên thánh năm 1904.

**✠ Thánh nữ Margarita Maria Alacoque,
trình nữ**

Sinh tại Verosvres năm 1647, qua đời ngày 17.10.1690.

Marguerite-Marie Alacoque sinh năm 1647 trong một thành nhỏ Lauthecour miền Burgund nước Pháp. Cha là người viên chức làng. Bà là người con thứ năm trong số bảy anh em. Năm 1671 bà bước vào Dòng Thăm Viếng ở Paray-le-Monial. Ngày 26.10.1672 bà khấn trọn.

Sau một thời gian tập nhật, bà cảm nhận được hồng ân nhiệm hiệp. Bà được hướng dẫn vào mầu nhiệm tình yêu vừa thiên linh, vừa nhân linh của Chúa Giêsu và nhận mệnh lệnh truyền bá sự tôn sùng Thánh Tâm Chúa Giêsu. Có thể nói, có

gắng của bà đã đưa đến việc tôn sùng Thánh Tâm vào mỗi thứ sáu hằng tuần và ngày lễ Thánh Tâm Chúa Giêsu hằng năm.

Thời gian này, cả nước Pháp đều chịu ảnh hưởng của bè Jansenismus, nên không thể hiểu được sứ điệp; cả các chị em trong dòng cũng chống đối chị. Nhưng cuối cùng các chị em cũng nhận ra thực tế về nhân đức và các thị kiến của bà là thực. Bà qua đời trong tu viện này ngày 16.10.1690.

Trích thư của thánh Margarita Maria Alacoque

Theo tôi, Chúa Giêsu rất ao ước cho Thánh Tâm Người được tôn sùng một cách đặc biệt, là cốt để cho hiệu quả ơn cứu chuộc được phục hoạt trong tâm hồn chúng ta. Bởi vì, Thánh Tâm Người là nguồn mạch sung mãn chỉ muốn tràn vào tâm hồn những người khiêm tốn, để họ tình nguyện và sẵn lòng hy sinh tất cả đời mình làm đẹp lòng Người.

Có ba nguồn suối từ Thánh Tâm của Chúa tràn ra liên lý: trước tiên là nguồn suối nhân từ đối với tội nhân để họ được tinh thần ăn năn sám hối. Kế đến là nguồn suối yêu thương chảy ra để cứu giúp những kẻ lao nhọc đang túng thiếu, nhất là những ai đang khao khát nên trọn lành, để cho họ có sức thắng vượt trở ngại. Sau cùng là nguồn suối tuôn tràn tình yêu và ánh sáng, cho những bạn hữu trọn lành mà Người muốn liên kết với Người, để thông ban cho họ sự khôn ngoan cũng như các huấn giới của Người, hầu mỗi người theo cách thức của mình mà hoàn toàn tận hiến mình để làm vinh danh Người.

CGKPV, trang 446-447.

CẦU NGUYỆN

Lạy Cha, xin tuôn đổ vào lòng chúng con ơn Thánh Thần như xưa Cha đã rộng ban cho thánh nữ Margarita Maria. Nhờ đó, chúng con sẽ hiểu biết tình thương của Đức Kitô là tình thương vượt quá sự hiểu biết của loài người, và chúng con sẽ được đầy tràn sức sống viên mãn của Cha. Chúng con cầu xin...

✠ *Ngày 17 tháng Mười*

**Thánh Ignatio Antiochia,
Giám Mục, tử đạo,
lễ nhớ**

Sinh tại Syrie, qua đời tại Rôma dưới thời Trajan (98-117).

Thánh Ignatio với biệt danh là Theophoros (người mang Chúa) là vị Giám Mục thứ ba của thành Antiochia, sau thánh Phêrô, được xem như người thành lập giáo đoàn này, và thánh Evodius.

Tục truyền rằng, ngài là đứa bé được Chúa Giêsu đặt giữa các Tông Đồ, khi họ tranh chấp ai là người lớn nhất trong Nước Trời. Tông Đồ Gioan có lẽ là Thầy của ngài.

Khoảng năm 110, ngài bị bắt vì đức tin và bị giải về Rôma dưới trào hoàng đế Trajan. Trong cuộc hành trình gian nan này, ngài viết 7 lá thư, nói lên tình yêu nồng say của ngài đối với Đức Kitô và ưu tư của ngài về sự hiệp nhất của cộng đoàn dưới sự lãnh đạo của vị Giám Mục. Ngài gửi về giáo đoàn Rôma một lá thư, van xin họ đừng làm gì để người ta thả ngài.

Tại Rôma, ngài bị kết án và cuối cùng bị quăng cho thú xé xác tại hí trường Colosseum.

Trích thư thánh Ignatiô gửi giáo đoàn Rôma

Tôi viết cho mọi Hội Thánh và loan báo cho mọi người biết tôi sẵn sàng chết vì Chúa, miễn là anh em đừng ngăn cản tôi. Hãy để tôi nên của ăn cho thú dữ, cho tôi được về cùng Thiên Chúa. Tôi là hạt miến của Thiên Chúa, tôi sẽ bị răng thú dữ nghiền nát để trở nên bánh tinh tuyền của Đức Kitô. Anh em

348 ▪ PHỤNG VỤ CHƯ THÁNH, tập 2

hãy cầu xin Đức Kitô cho tôi, để nhờ các khổ hình, tôi trở nên hiến lễ cho Thiên Chúa.

CGKPV, trang 449.

CẦU NGUYỆN

Lạy Cha, thánh Ignatiô tử đạo đã trở thành hạt lúa miến của Chúa Kitô cho thú dữ nghiền nát, và nhờ đó trở nên bánh tinh tuyền được Cha thương chấp nhận. Nay xin Cha cũng ghé mắt nhân từ nhìn đến của lễ chúng con dâng. Chúng con cầu xin...

✠ Thánh Phanxicô Isidôrô Gagelin Kính (1799-1833), Linh Mục thừa sai Paris, tử đạo

Thánh P.I. Gagelin Kính sinh ngày 10.5.1799 tại Montperreux nước Pháp. Lớn lên cậu vào chủng viện và ngày 15.10.1818 gia nhập Hội Thừa Sai Paris.

Ngày 28.11.1820 ngài cùng ba đồng bạn lên tàu ở Bordeaux để sang Viễn Đông. Tàu đến Huế ngày 17.5.1828. Ngài được lệnh coi sóc họ Phường Rượu và tại đó ngài thụ phong chức Linh Mục ngày 28.9.1822.

Vào năm 1827 vua Minh Mạng ra lệnh mời tất cả các vị truyền giáo về triều đình, để ủy thác những chức vụ cho các ngài tùy theo khả năng. Trên thực tế, nhà vua có ý cô lập các vị chủ chăn để đàn chiên không còn người chăn dắt sẽ tự tan rã. Cố Kính tuân lệnh vào triều đình, nhưng khước từ chức quan để dành thời giờ lo việc thiêng liêng cho bốn đạo.

Nhà vua ra chiếu chỉ cấm đạo lần đầu vào ngày 6.1.1833; giáo dân khuyên ngài lánh nạn vào rừng. Nhưng khi thấy nhiều giáo hữu bị bắt bớ và đau lòng trước cảnh đàn chiên tan tác, ngài đi nộp mình, hy vọng nhờ đó giáo dân bớt bị bách hại. Thế là ngài trình diện với quan tri huyện Bồng Sơn (Bình Định) vào tháng 5.1833. Ngài bị điệu về Huế.

Đến Huế ngày 23.8.1833. Bảy tuần lễ bị giam mà không bị thẩm vấn lần nào. Ngày 17.10.1833 ngài bị xử giáo tại Bãi Dâu (Huế).

Năm 1846 hài cốt ngài được chuyển về Chung Viện Thừa Sai Paris. Đức Thánh Cha Lêô XIII tuyên chân phước cho ngài vào ngày 27.5.1900.

✠ *Ngày 18 tháng Mười*

Thánh Luca, tác giả sách Tin Mừng, lễ kính

Thánh Luca được xem như tác giả quyển Phúc Âm thứ ba và quyển Công Vụ Tông Đồ. Theo truyền thống, ngài được sinh ra ở Antiochia, xứ Syrie trong một gia đình ngoại giáo. Theo Cl 4,14 ngài là lương y và đã chữa bệnh cho thánh Phaolô.

Về Phúc Âm, ngài lấy Phúc Âm thánh Márcô làm nền và sử dụng nhiều lưu truyền theo những nguồn gốc khác, nhưng tổng thể đều chịu ảnh hưởng lấy con người của ngài.

Ngài nhấn mạnh đến lòng nhân từ của Thiên Chúa và tình yêu của Chúa Giêsu đối với người nghèo và tội nhân. Luca nói về cầu nguyện và Chúa Thánh Thần nhiều hơn Mátthêu.

350 ▪ PHỤNG VỤ CHƯ THÁNH, tập 2

Trong Công Vụ Tông Đồ, với cái nhìn lịch sử và văn chương, ngài tường thuật những ngày đầu của Kitô giáo. Ngài đã sử dụng nhiều nguồn khác nhau, nhưng phần lớn, ngài ghi lại như nhân chứng, chỉ vì thánh Phaolô đã đem ngài theo trong cuộc truyền giáo lần thứ hai và thứ ba, nhất là trong cuộc du hành bị bắt giải về Rôma (x. Cl 4,10-14; Plm 24; 2 Tm 4,10).

Việc tôn kính thánh Luca đã có từ thế kỷ thứ 8.

BÀI ĐỌC

– Bài đọc 1: 2 Tm 4,10-17a.

– Phúc Âm: Lc 10,1-9.

Bài đọc 1: 2 Tm 4,10-17a

“Chỉ còn Luca ở với cha” (2 Tm 4,11); câu này còn giá trị hơn là một lời khen! Đây là chứng cứ của vị Tông Đồ thực cô đơn và đang bị cái chết hăm dọa nói về người đệ tử vẫn trung thành với ngài và trung tín với Tin Mừng (so 1,12).

Đoạn cuối thư này ghi lại một chuỗi chia sẻ về hoàn cảnh cá nhân của vị Tông Đồ. Những lời ghi chú cá nhân này cũng chứa đựng những lời giá trị. Trong Hội Thánh Chúa Kitô, vừa có những sự trung thành đáng kinh ngạc, nhưng cũng vừa có những thất bại nào nề (so 4,10.14). Trong tâm hồn của thánh Phaolô có sự cảm nghiệm về việc bị bỏ rơi và cả sự lo sợ trước cái lạnh lẽo của mùa đông, dù sau đi nữa, ngài vẫn biết rõ rằng: sức mạnh của Thiên Chúa vẫn hoạt động trong đau khổ cũng như trong lời của mình.

Phúc Âm: Lc 10,1-9

Sau đó, Chúa chỉ định bảy mươi hai người khác, và sai các ông cứ từng hai người một đi trước, vào tất cả các thành, các nơi mà chính Người sẽ đến. Người bảo các ông:

“Lúa chín đầy đồng mà thợ gặt lại ít. Vậy anh em hãy xin chủ mùa gặt sai thợ ra gặt lúa về. Anh em hãy ra đi. Nay Thầy sai anh em đi như chiên con đi vào giữa bầy sói. Đừng mang theo túi tiền, bao bì, giày dép. Cũng đừng chào hỏi ai dọc đường. Vào bất cứ nhà nào, trước tiên hãy nói: “Bình an cho nhà này!” Nếu ở đó, có ai đáng hưởng bình an, thì bình an của anh em sẽ đến đậu trên người ấy; bằng không thì bình an đó sẽ quay về với anh em. Hãy ở lại nhà ấy, và người ta cho ăn uống thức gì, thì anh em dùng thức đó, vì làm thợ thì đáng được trả công. Đừng đi hết nhà nọ đến nhà kia. Vào bất cứ thành nào mà được người ta tiếp đón, thì cứ ăn những gì người ta dọn cho anh em. Hãy chữa những người đau yếu trong thành, và nói với họ: “Triều đại Thiên Chúa đã đến gần các ông”.

Luca trình thuật việc Chúa sai nhóm Mười Hai ở đoạn 9,1-6. Trong thời gian này Chúa kết thúc sứ mạng rao giảng ở Galilê và bắt đầu lên đường lên Giêrusalem. Thời giờ cấp bách và mùa gặt lại rất lớn (10,2).

“Mùa gặt” trong ngôn ngữ Kinh Thánh là hình ảnh nói về cuộc thẩm phán của Thiên Chúa trên muôn dân trong ngày tận thế. Cho đến lúc đó Tin Mừng phải được rao giảng cho muôn dân. Con số 70 nói lên điều này: theo cái nhìn của sách Sáng Thế (St 10) thế giới còn có 70 nước không phải là Do Thái.

Đức Giêsu đi con đường của Người Tôi Tớ Giavê, nên ý thức rõ mình được sai đến muôn dân (Is 42,6; 49,6). Mệnh lệnh sai đi (Lc 10,2-11) hướng dẫn các môn đệ về hành trang của nhà truyền giáo và thái độ của họ khi đến gia đình và địa phương truyền giáo. Người môn đệ cũng được trao phó nhiệm vụ: hành động (phép lạ) và rao giảng. Cả hai sứ vụ này đều được tiếp nối sứ vụ của Đức Kitô; chính vì thế, cuối đoạn mới có lời hăm dọa đối với những thành phố cứng lòng tin.

CẦU NGUYỆN

Lạy Cha, Cha đã chọn thánh Luca, sai đi rao giảng và viết sách Tin Mừng để làm cho mọi người nhận biết Cha đặc biệt yêu thương những kẻ khó nghèo. Xin cho những người mang danh Kitô hữu được đồng tâm nhất trí với nhau hầu muôn dân được thấy ơn cứu độ. Chúng con cầu xin...

✠ *Ngày 19 tháng Mười*

Thánh Gioan Brêbeuf, Linh Mục
Thánh Isaac Jôgues, Linh Mục
và các bạn tử đạo

Công cuộc truyền giáo cho người da đỏ ở Bắc Mỹ được chính thức trao cho Dòng Tên Pháp năm 1632.

Vì thiếu nhân lực và vì hoàn cảnh khắc nghiệt, anh em Giêsu hữu tập trung năng lực vào mấy bộ lạc dân Huron trên lãnh thổ Canada ngày nay. Dân Huron sống gần hai dân rất thù nghịch nhau là Algonquyn ở Canada và Iroquois ở Hoa Kỳ. Đặc biệt dân Iroquois rất hiếu chiến thường dựa vào người Hà Lan để đánh phá dân Huron. Nhiều thừa sai đã trả giá cho sứ mạng truyền giáo bằng mạng sống mình, trong đó có 8 vị mà chúng ta nhớ hôm nay.

Trước hết là 3 vị tử đạo tại Auriesville, tiểu bang New-york, Hoa Kỳ:

– Thánh Rênatô Goupil là một hiến sinh (tức là một thanh niên tự nguyện theo giúp các thừa sai) sinh năm 1608 tại Angers, tử đạo ngày 29.9.1642.

– Thánh Isaac Jogues là một Linh Mục, sinh năm 1607 tại Orléans, tử đạo ngày 18.10.1646.

– Thánh Gioan Lalande là một hiền sinh, sinh năm 1622 tại Dieppe, tử đạo ngày 10.10.1646.

Kế đến là 5 Linh Mục tử đạo tại địa điểm ngày nay gọi là Midland ở Canada:

– Thánh Antôn Daniel sinh năm 1601 tại Dieppe, tử đạo ngày 7.4.1648.

– Thánh Gioan de Brébeuf, sinh năm 1593 tại Bayeux, tử đạo ngày 16.3.1649.

– Thánh Gabriel Lallemant sinh năm 1610 tại Paris, tử đạo ngày 17.3.1649.

– Thánh Carôlô Garnier sinh năm 1606 tại Paris, tử đạo ngày 7.12.1649.

– Thánh Noel Chabanel sinh năm 1613 tại Mendes, tử đạo ngày 8.12.1649.

Mồ hôi, nước mắt và máu của các thừa sai đã làm phát sinh một cộng đoàn tín hữu da đỏ nhiệt thành, trong đó có chân phước Catarina Tekakwitha.

Các ngài được Đức Thánh Cha Piô XI tuyên thánh năm 1930.

CẦU NGUYỆN

Lạy Cha, Cha đã sai hai thánh Gioan và Isa-ác cùng các bạn đi rao giảng Tin Mừng và cuối cùng các ngài đã hy sinh mạng sống để thánh hóa Giáo Hội miền Bắc Mỹ Châu ngay từ những bước đầu. Xin nhậm lời các ngài cầu thay nguyện giúp mà cho Giáo Hội khắp mọi nơi luôn được mùa trên cánh đồng truyền giáo. Chúng con cầu xin...

✠ **Thánh Phaolô Thánh Giá, Linh Mục**

Sinh ở Ovada (Piémont) năm 1694, qua đời tại Rôma ngày 18.10.1775.

Đáng sáng lập Dòng “Thương Khó” sinh năm 1694 tại Ovada trong nước Cộng Hòa Genua. Cha ngài là Lukas Danei một thương gia giàu có. Ngài học được sự tôn kính cuộc Thương Khó của Chúa từ người mẹ đạo đức của mình. Ngài tha thiết gia nhập quân đội Venise để chống lại quân Hồi Giáo Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng không thực hiện được.

Năm 1720, ngài nhận được chiếc áo sám hối từ tay vị Giám Mục thành Alessandria, vị này muốn thử thách và nhận ra ơn gọi của anh thanh niên này là thực. Năm 1727 cùng với người em là Gioan Baptist chịu chức Linh Mục và nhận được phép thu nhận tập sinh. Năm 1737 họ thành lập tu viện đầu tiên ở Orbetello. Lúc bấy giờ, Phaolô đã trở thành nhà giảng thuyết truyền giáo nổi tiếng trong khắp các thành nước Ý.

Dòng “Thương Khó Chúa Giêsu” do ngài thành lập, được Đức Thánh Cha Clémentê XIV công nhận và Phaolô, dù đau yếu, vẫn phải giữ chức Tổng Quyền đầu tiên.

Ngày qua đời tại Rôma ngày 18.10.1775.

Trích thư thánh Phaolô Thánh Giá, Linh Mục

Tình yêu là một năng lực hiệp nhất; nó biến những khổ hình của Đáng Thiện Hảo đáng yêu mến, thành của mình. Ngọn lửa tình yêu lan tới tận tâm can, biến người yêu thành kẻ được yêu thương; và một cách sâu hơn, tình yêu nhập vào trong khổ đau và đau khổ nhập vào trong tình yêu; cả hai hòa hợp keo sơn đến nỗi không thể phân biệt tình yêu với đau khổ. Bởi vậy, linh

hồn yêu mến reo vui trong chính nỗi khổ sầu và nhảy mừng hoan lạc trong chính tình yêu bi thương của mình.

CGKPV, trang 458-459.

CẦU NGUYỆN

Lạy Cha, Cha đã ban cho thánh Phaolô Linh Mục lòng thiết tha yêu mến thập giá Đức Kitô. Xin làm cho chúng con biết noi gương thánh nhân để lại mà can đảm vác thập giá của mình. Chúng con cầu xin...

✠ Thánh Phêrô thành Ancăngtara, Linh Mục

(lễ của Dòng I Phanxicô)

Thánh Phêrô là một Đấng thánh rất lừng danh, ngay khi còn sinh tiền. Ngài là một vì sao sáng chói trên nền trời thiêng liêng, là một trong những viên ngọc quý trên mào triều thiên đại gia đình Phan Sinh.

Ngài chào đời năm 1499 tại Ancăngtara, nước Tây Ban Nha. Ngài theo học tại Salamanca, rồi gia nhập Dòng Phanxicô tại Manjarès, chịu chức Linh Mục và lãnh nhận nhiều công việc trong Dòng. Năm 1554 ngài được phép hướng dẫn Dòng tới chỗ tuân thủ Luật cách nghiêm ngặt hơn; có nhiều anh em đã cùng với ngài đề cao đời sống đền tội, hãm mình và nghèo khó tuyệt đối.

Nhiệt thành với việc tông đồ, ngài đi rao giảng và đạt kết quả tốt. Ngài đã khuyến khích thánh Têrêsa Avila trong công cuộc cải tổ Dòng Kín. Ngài đã viết nhiều tác phẩm trình bày kinh nghiệm về đời sống thần bí, một đời sống được nuôi

356 ▪ PHỤNG VỤ CHƯ THÁNH, tập 2

đường bằng lòng tôn sùng cuộc Khổ Nạn của Đức Kitô. Ngài qua đời tại Arêna, gần Avila, ngày 18.10.1562.

CẦU NGUYỆN

Lạy Cha, Cha đã cho thánh Phêrô được vinh quang nhờ đời sống hãm mình lạ lùng và chiêm niệm cao siêu. Xin Cha đoái thương vì công nghiệp của thánh nhân, ban cho chúng con biết kèm hãm xác thịt và đáng được thông phần vào những ân huệ bởi trời. Chúng con cầu xin...

✠ *Ngày 20 tháng Mười*

Chân phước Contacđô Phêrini

(lễ của dòng III Phanxicô)

Contacđô sinh tại Milanô ngày 5.4.1859. Ngài được giáo dục trong một gia đình thấm nhuần tinh thần Công Giáo sâu xa. Ngài đã sống một cuộc đời gương mẫu suốt thời gian học hành và thâm lượm được kết quả mỹ mãn vào cuối niên học.

Vào năm 1883 ngài đậu bằng tiến sĩ Luật và trở thành nhà tội-phạm-học nổi tiếng, được chính quyền bổ nhiệm vào chức giảng sư đại học Pavia, lúc được 24 tuổi. Hết đại học Pavia, đến đại học Messina, rồi đại học Bologna, sau cùng làm giảng sư ở Phêrini, rồi lại trở về đại học Pavia vào năm 1894.

Tuy bận rộn với nhiều công tác nặng nề, Contacđô không hề xao lãng nhiệm vụ đối với Chúa. Lối sống của ngài có thể được coi như mẫu mực cho người giáo dân. Ngài gia nhập Dòng Ba Phan Sinh và chuyên tâm thực thi bác ái. Ngài cũng

yêu thích chiêm ngưỡng cuốn sách lớn là thiên nhiên như thánh Phanxicô. Ngài là người khởi xướng và cổ vũ trường Đại Học Công Giáo Thánh Tâm tại Milanô. Ngài qua đời tại Novara ngày 17.10.1909. Đức Thánh Cha Piô XII đã nâng ngài lên bậc chân phước.

CẦU NGUYỆN

Lạy Cha, Cha đã làm cho chân phước Contacđô nên cao trọng nhờ có sự khôn ngoan phối hợp với lòng đạo đức. Xin ban cho chúng con là tôi tớ được nhận biết Thiên Chúa thật và yêu Người trên hết mọi sự. Chúng con cầu xin...

✠ *Ngày 22 tháng Mười*

Thánh Gioan Phaolô II, Giáo Hoàng

Karol Józef Wojtyła, được bầu làm Giáo Hoàng ngày 16 tháng 10 năm 1978, sinh tại Wadowice, Ba Lan, ngày 18 tháng 5 năm 1920.

Ngài là con thứ ba trong số ba người con của ông Karol Wojtyła và bà Emilia Kaczorowska, người đã qua đời năm 1929. Anh trai của ngài là Edmund, một y sĩ, qua đời năm 1932, và cha ngài, ông Karol, một viên hạ sĩ quan của lực quân, qua đời năm 1941.

Lên 9, ngài được rước lễ lần đầu. Và lên 18, ngài được thêm sức. Sau khi tốt nghiệp trung học tại Wadowice, ngài ghi danh học tại Đại Học Jagellonian ở Krakow năm 1938.

358 ▪ PHỤNG VỤ CHƯ THÁNH, tập 2

Khi lực lượng chiếm đóng của Quốc Xã đóng cửa trường đại học vào năm 1939, Karol làm việc trong một hầm đá và sau đó trong nhà máy hoá chất Solvay (1940-1944) để kiếm kế sinh nhai và tránh khỏi bị phát vãng qua Đức.

Cảm nhận mình được kêu gọi làm Linh Mục, năm 1942, ngài bắt đầu theo học đại chủng viện chui của giáo phận Krakow, do Đức TGM Adam Stefan Sapieha điều khiển. Trong thời gian này, ngài là một trong những người tổ chức ra Ban Kịch Sống Động, hoạt động trong bóng tối.

Sau chiến tranh, Karol tiếp tục việc học tại đại chủng viện mới được mở lại, và tại trường thần học của Đại Học Jagellonian cho tới khi được thụ phong Linh Mục tại Krakow ngày 1 tháng 11 năm 1946. Sau đó, tân Linh Mục Wojtyla được Đức HY Sapieha gửi tới Rôma, nơi ngài đậu bằng tiến sĩ thần học năm 1948. Ngài viết luận án về đức tin như đã được hiểu trong các tác phẩm của Thánh Gioan Thánh Giá. Lúc còn học ở Rôma, ngài dành kỳ nghỉ làm mục vụ cho các di dân Ba Lan ở Pháp, ở Bỉ và ở Hoà Lan.

Năm 1948, Cha Wojtyla trở về Ba Lan và được cử làm phó xứ tại nhà thờ Niegowic, gần Krakow, và sau đó tại nhà thờ Thánh Florian ở trung tâm thành phố. Ngài là tuyên úy đại học cho tới năm 1951, lúc ngài đi học triết học và thần học một lần nữa. Năm 1953, Cha Wojtyla trình luận án tại ĐH Jagellonian về việc có thể đặt cơ sở cho đạo đức học Kitô Giáo trên hệ thống đạo đức của Max Scheller.

Sau đó, ngài trở thành giáo sư thần học luân lý tại Đại Chủng Viện Krakow và tại phân khoa thần học của ĐH Lublin.

Ngày 4 tháng 7 năm 1958, Đức Piô XII cử Cha Wojtyla làm Giám Mục phụ tá của giáo phận Krakow, hiệu tòa Ombi.

Đức TGM Eugeniusz Baziak tấn phong ngài tại Nhà Thờ Chính Toà Wawel (Krakow) ngày 28 tháng 9 năm 1958.

Ngày 13 tháng 1 năm 1964, Đức Phaolô VI của Đức Cha Wojtyla làm Tổng Giám Mục Krakow và sau đó, ngày 26 tháng 6 năm 1967, ngài được phong Hồng Y.

Đức Cha Wojtyla tham dự Công Đồng Vatican II (1962-1965) và đưa ra nhiều đóng góp có ý nghĩa trong việc soạn thảo hiến chế Vui Mừng và Hy Vọng. Ngài cũng tham dự 5 kỳ họp của Thượng Hội Đồng Giám Mục trước khi được bầu làm Giáo Hoàng.

Ngày 16 tháng 10 năm 1978, Đức HY Wojtyla được bầu làm Giáo Hoàng và ngày 22 tháng 10, ngài bắt đầu thừa tác vụ của ngài như là Mục Tử của toàn thể Giáo Hội.

Đức Gioan Phaolô II thực hiện 146 cuộc tông du tại Ý, và trong tư cách Giám Mục Rôma, ngài thăm 317 trong tổng số 322 giáo xứ Rôma. Các cuộc tông du quốc tế của ngài lên tới 104; các cuộc tông du này nói lên quan tâm mục vụ thường hằng của Người Kế Nhiệm Thánh Phêrô đối với mọi Giáo Hội.

Các văn kiện chính của ngài bao gồm 14 thông điệp, 15 tông huấn, 11 tông hiến và 45 tông thư. Ngài cũng viết 5 cuốn sách: *Vượt Qua Ngưỡng Cửa Hy Vọng* (10/1994); *Hồng Phúc và Mầu Nhiệm: Kỷ Niệm Lần Thứ 15 Tôi Được Thụ Phong Linh Mục* (tháng 11 năm 1996), *Tranh Ba Bức Rôma: Suy Niệm Trong Thi Ca* (tháng 3, 2003), *Đứng Dậy, Nào Ta Lên Đường* (Tháng 5, 2004) và *Ký Ưc Và Bản Sắc* (tháng 2, 2005).

Đức Gioan Phaolô II cử hành 147 lễ tuyên chân phúc, trong đó, ngài đã tuyên chân phúc cho 1,338 vị, và cử hành 51 lễ tuyên thánh cho tất cả 482 vị. Ngài triệu tập 9 mật nghị viện

360 ▪ PHỤNG VỤ CHƯ THÁNH, tập 2

Hồng Y, trong đó ngài tấn phong Hồng Y cho 231 vị (và 1 vị in pectore). Ngài cũng chủ tọa 6 phiên họp toàn thể Hồng Y Đoàn.

Từ năm 1978, Đức Gioan Phaolô II triệu tập 15 phiên họp của Thượng Hội Đồng Giám Mục Thế giới: 6 phiên khoáng đại thông thường (1980, 1983, 1987, 1990, 1994 và 2001), 1 phiên khoáng đại bất thường (1985) và 8 phiên đặc biệt (1980, 1991, 1994, 1995, 1997, 1998 [2] và 1999). Ngày 3 tháng 5 1981, một vụ mưu sát Đức Gioan Phaolô II đã diễn ra tại Công Trường Nhà Thờ Thánh Phêrô. Được bàn tay từ mẫu của Mẹ Thiên Chúa cứu chữa, sau một kỳ dưỡng thương dài tại bệnh viện, ngài đã tha thứ cho kẻ mưu toan sát nhân và, vì ý thức rằng mình đã lãnh nhận một hồng ân vĩ đại, nên ngài đã tăng cường các cam kết mục vụ của ngài một cách quảng đại anh hùng.

Đức Gioan Phaolô II cũng đã biểu lộ quan tâm mục vụ của ngài qua việc thiết lập khá nhiều giáo phận và giáo hạt, và qua việc công bố các bộ giáo luật cho các Giáo Hội La Tinh và Đông Phương, cũng như Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo. Ngài công bố Năm Cứu Chuộc, Năm Thánh Mẫu và năm Thánh Thể cũng như Năm Đại Thánh 2000 để cung cấp cho Dân Thiên Chúa những trải nghiệm thiêng liêng hết sức nồng đậm. Ngài cũng lôi cuốn giới trẻ bằng cách khởi sự cử hành Ngày Giới Trẻ Thế Giới.

Không có vị Giáo Hoàng nào khác từng gặp gỡ nhiều người như Đức Gioan Phaolô II. Hơn 17 triệu 6 trăm nghìn khách hành hương đã tham dự các buổi yết kiến chung vào ngày thứ Tư (tổng cộng 1,160 buổi). Đó là chưa tính các buổi yết kiến đặc biệt cũng như nhiều nghi thức tôn giáo khác (hơn 8 triệu khách hành hương nguyên trong Năm Đại Thánh 2000). Ngài gặp hàng triệu tín hữu trong các cuộc viếng thăm mục vụ tại Ý và trên khắp thế giới. Ngài cũng tiếp nhiều viên chức các

chính phủ tới yết kiến, trong đó, có 38 cuộc viếng thăm chính thức và 738 cuộc yết kiến và gặp mặt các quốc trưởng, cũng như 246 cuộc yết kiến và gặp mặt các vị thủ tướng.

Đức Gioan Phaolô II qua đời tại Tông Điện lúc 9 giờ 37 đêm thứ Bảy, ngày 2 tháng Tư năm 2005, hôm vọng Chúa Nhật Áo Trắng (in albis) hay Chúa Nhật Lòng Chúa Thương Xót, mà chính ngài thiết lập. Ngày 8 tháng Tư, lễ an táng ngài cách long trọng đã được cử hành tại Công Trường Nhà Thờ Thánh Phêrô và xác ngài được chôn cất trong hầm Vương Cung Thánh Đường Thánh Phêrô.

Đức Gioan Phaolô II được Đức Bênêđictô XVI, vị kế nhiệm cận kề của ngài và là người cộng tác được ngài trân quý trong tư cách tổng trưởng Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, tuyên chân phúc tại Công Trường Nhà Thờ Thánh Phêrô ngày 1 tháng 5 năm 2011.” Ngày 27.4.2014, Đức Thánh Cha Phanxicô đã tuyên thánh cho Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II.

Bài giảng của Đức Giáo Hoàng Phanxicô trong ngày lễ tuyên thánh, 27.04.2014

Đức Gioan XXIII và Gioan Phaolô II đã can đảm nhìn những vết thương của Chúa Giêsu, động chạm đến những bàn tay bị thương và cạnh sườn của Chúa bị đâm thấu qua. Các vị đã không hổ thẹn vì thân thể của Chúa Kitô, không vấp phạm về Chúa, về thập giá của Ngài (Is 58,7); không hổ thẹn vì thân mình của người anh em (Xc 58,7), vì nơi mỗi người đau khổ, các vị nhìn thấy Chúa Giêsu. Hai vị là những người can đảm, đầy ơn táo bạo (parresía) của Chúa Thánh Linh, và đã làm chứng cho Giáo Hội và thế giới về lòng từ nhân của Thiên Chúa, về lòng từ bi của Chúa. Các vị đã là những Linh Mục, Giám Mục và Giáo Hoàng của thế kỷ 20. Các vị đã sống những thử thách, nhưng không để chúng lướt thắng. Nơi các vị,

362 ▪ PHỤNG VỤ CHƯ THÁNH, tập 2

Thiên Chúa mạnh mẽ hơn; niềm tin nơi Chúa Giêsu Đấng Cứu Chuộc con người và là Chúa tể của lịch sử mạnh mẽ hơn; nơi các vị sự gần gũi từ mẫu của Mẹ Maria mạnh mẽ hơn. Nơi hai vị là những người chiêm ngắm các vết thương của Chúa Kitô và là chứng nhân về lòng từ bi của Chúa có một “niềm hy vọng sinh động”, cùng với một “niềm vui khôn tả và vinh hiển” (1 Pr 1,3.8). Niềm hy vọng và niềm vui mà Chúa Kitô phục sinh ban cho các môn đệ của Ngài, và không ai và không gì có thể làm cho họ bị thiếu những hồng ân ấy. Niềm hy vọng và niềm vui phục sinh, được thanh luyện qua cái lò từ bỏ, loại trừ sự gần gũi tội lỗi cho đến tận cùng, đến độ cảm thấy buồn nôn vì chén đắng. Đó chính là niềm hy vọng và niềm vui mà hai vị Thánh Giáo Hoàng đã lãnh nhận như hồng ân từ Chúa phục sinh và tiếp đến, các vị đã trao tặng dồi dào cho Dân Chúa, và được lòng biết ơn đời đời của họ.

✠ *Ngày 23 tháng Mười*

Thánh Gioan Capéstranô, Linh Mục

Sinh tại Capestrano năm 1386, qua đời tại Ilok (Croatie) ngày 23.10.1456.

Thánh Gioan xuất thân từ Capestranô miền Abruzzan nước Ý. Sinh năm 1386, học luật đời và trở thành thẩm phán. Bị bắt giam trong một cuộc nổi loạn của dân chúng vào năm 1416 và chỉ được phóng thích sau khi nộp một số tiền lớn.

Qua cơn thử thách truy luyện này, Gioan thay đổi tính tình và nếp sống, từ bỏ cuộc đời, xin gia nhập Dòng Anh Em Hèn

Mọn Del Mântê tại Perugia. Tại đây, người phải trải qua nhiều thử thách nghiêm khắc của Bề Trên, nhưng người đã lướt thắng. Ngày 4.10.1416, Gioan lãnh tu phục Dòng, lúc người đã 32 tuổi.

Từ năm 1417 người bắt đầu giảng thuyết và trở thành nhà giảng thuyết đại tài. Cùng với bạn đồng hành là thánh Bernadinô thành Sienna (kính ngày 20.5), người trở thành nhà du hành giảng thuyết của thế kỷ XV. Người giảng ở Ý, Đức, Bôhme, Ba Lan, Áo. Người giảng thuyết và tham gia vào THẬP TỰ QUÂN đầy lui được nguy hiểm Thổ Nhĩ Kỳ Hồi Giáo và đem lại cuộc chiến thắng Belgrad ngày 14.7.1456.

Người còn là một nhà mục vụ và kiến tạo hòa bình. Người qua đời ngày 23.10.1456 tại Ilok bên bờ sông Danube.

Trích sách “Gương sáng của hàng giáo sĩ” của thánh Gioan Capestranô, Linh Mục

Một hàng giáo sĩ không trong sạch và bần tiện, đầy những thói hư nết xấu và vướng mắc trong vòng tội lỗi sẽ bị người ta dẫm đạp như phân bón, đến nỗi không còn ích gì cho mình và cho người khác nữa, vì như thánh Grêgôriô nói: “Kẻ nào mà đời sống bị người ta khinh chê, thì lời rao giảng của họ cũng bị chê bai.

CGKPV, trang 461.

CẦU NGUYỆN

Lạy Cha, Cha đã ban cho thánh Gioan xuất hiện trong Hội Thánh để tinh thần dân Cha thêm mạnh mẽ ngay trong lúc ngặt nghèo. Xin thương tình ban ơn che chở để Hội Thánh luôn luôn được bình an và chúng con được sống yên hàn. Chúng con cầu xin...

**✠ Thánh Phaolô Tổng Viết Bường (1773-1833),
quan thị vệ, tử đạo**

Phaolô Bường sinh tại Phủ Cam (Huế), thuộc gia đình Công Giáo và dòng họ nhà quan. Ngài nhập đội cận vệ nhà vua, chẳng bao lâu thăng lên cai đội.

Được lệnh vua đi thanh tra các đồn lính trong giai đoạn chống giặc Đá Vách, ông thú nhận mình không thể vào chùa Non Nước, vì mình là người có đạo. Thế là ông bị bắt giam và nhận án trăm quyết. Một vị quan can thiệp để giảm án cho ông, nhưng ông vẫn bị đánh đòn và giáng xuống binh nhì (1831). Sau đó, nhờ đứt lốt, ông được về sống cạnh cha mẹ.

Trong một dịp duyệt binh, vua Minh Mạng truyền mang danh sách các lính Công Giáo tới, trong số đó có cai đội Tổng Viết Bường. Ông liền bị bắt giam trong trại Trần Phú, suốt ngày đeo gông. Cứ 10 ngày lại tra tấn một lần đến kiệt sức.

Cảnh này kéo dài suốt 6 tháng. Thấy tất cả những đe dọa và dụ dỗ đều vô ích, người ta lên án tử cho ông. Chiều ngày 23.10.1833, người ta dẫn ông đến Pháp trường. Nơi đây, ông khước từ lần cuối để được ân xá nếu chối bỏ đức tin. Đưa mắt nhìn con gái của mình đang chứng kiến cuộc hành xử, ông bình tĩnh cho đến lúc chịu chém đầu tại pháp trường Thọ Đức (Huế) ngày 23.10.1833. Thi hài của ông được an táng tại nhà thờ Phủ Cam.

Ngày 27.5.1900 Đức Thánh Cha Lêô XIII đã tuyên ông lên hàng chân phước.

✠ *Ngày 24 tháng Mười*

Thánh Anton Maria Claret, Giám Mục

Sinh tại Sallent (Catalogne) năm 1807, qua đời tại Frontfroide ngày 24.10.1870.

Antonius Maria Claret sinh năm 1807 tại Sallent xứ Tây Ban Nha, là con của một nhà sản xuất vải sợi.

Năm 1835 ngài thụ phong chức Linh Mục; ngài khao khát gia nhập Dòng khổ tu Chartreux hay Dòng Tên, nhưng sức khoẻ lại không cho phép. Ngài hoạt động truyền giáo ở vùng Catalonie; năm 1849 cùng với 5 Linh Mục ngài lập Cộng đoàn truyền giáo “Con cái của Trái Tim vẹn sạch Đức Mẹ” (Claretiner) và năm 1855 ngài thành lập “Cơ Quan giáo dục tông toà của Mẹ Vô Nhiễm” (Claretinerinnen).

Theo lời yêu cầu của hoàng hậu Isabella II, Đức Thánh Cha Piô IX đặt ngài làm Giám Mục địa phận Santiago de Cuba. Trong vòng 3 năm (1851-1857) ngài đã kinh lý 3 lần địa phận rộng lớn này, ban phép Thêm Sức cho 300.000 người, điều chỉnh 30.000 đôi hôn phối, giảng 11.000 lượt, phân phát hàng triệu tài liệu và 60.000 xâu chuỗi. Ngài chống đối mãnh liệt chế độ buôn bán nô lệ của triều đình Tây Ban Nha. Người ta đã tố chức ám sát ngài tất cả là 15 lần. Thấy thế, hoàng hậu cho vời ngài vào triều để làm cha linh hướng cho mình. Ngài trở thành đối thủ đáng gờm nhất của đình thần, con người bị chống đối nhất trong cả nước Tây Ban Nha. Năm 1868, ngài phải rời bỏ quê hương cùng với triều đình bị phế. Ngài qua đời ở nước Pháp trong dòng khổ tu Cistercien tại Frontfroide ngày 24.10.1870 khi nhận được thư mời đi dự Công Đồng Vatican I.

366 ▪ PHỤNG VỤ CHƯ THÁNH, tập 2

Tiểu sử thánh Antôn Maria Claret

23.12.1807	Sinh tại Sallent (Barcelona) Tây Ban Nha.
1825-1829	Làm việc tại xưởng dệt.
29.9.1829	Gia nhập chủng viện.
13.6.1835	Thụ phong Linh Mục.
6.1839	Tự nguyện để được sai đi làm thừa sai Tông đồ.
16.7.1849	Thành lập dòng Nam Tử Thừa sai Trái Tim Vô Nhiễm Đức Maria – CMF (dòng thừa sai Claret).
16.10.1850	Tổng Giám Mục giáo phận Santiago de Cuba.
25.8.1855	Thành lập dòng nữ tu Vô Nhiễm Đức Maria.
1857	làm cha giải tội cho nữ hoàng Tây Ban Nha.
30.9.1868	bị đày sang Pháp.
1869-1870	Tham dự Công Đồng Vatican I.
24.10.1870	Qua đời tại Fonfroide, Pháp.
25.2.1934	Đức Giáo Hoàng Piô XI tuyên chân phước.
7.5.1950	Đức Giáo Hoàng Piô XII tuyên hiển thánh.

Trích tác phẩm “Sự ích kỷ đã bại trận” của thánh Antôn Maria Clarét

Tôi tự bảo: một người con Trái Tim vô nhiễm Mẹ Maria là một người cháy lửa yêu mến, và đi đến đâu cũng đốt cháy nơi đó. Là một người quyết muốn và lo lắng dùng mọi cách để mọi người cháy lửa tình yêu Thiên Chúa. Không gì làm họ nản; họ vui mừng vì thiếu thốn, hân hoan khi bị dèm pha, mừng vui khi bị tra tấn. Họ không suy nghĩ gì khác, ngoài việc tìm cách theo Đức Giêsu Kitô và bắt chước Người trong sự rao giảng, làm việc và chịu khó, chỉ cốt lo sao làm vinh danh Thiên Chúa và cứu rỗi các linh hồn (CGKPV, trang 464).

Dòng thừa sai Trái Tim Vô Nhiễm Đức Maria

Được Thánh Antôn Maria Claret thành lập ngày 16.7.1849 tại Vic, Tây Ban Nha ; được Đức Giáo Hoàng Piô IX phê chuẩn ngày 22.12.1862. Mục đích của Dòng là nhìn thấy mọi sự trong vinh quang của Thiên Chúa, sự tận hiến của các thành viên và ơn cứu độ nhân loại trên khắp thế giới, bằng việc duy trì đặc sủng truyền giáo trong Giáo hội.

CẦU NGUYỆN

Lạy Cha, Cha đã ban cho thánh Antôn Maria Giám Mục lòng yêu thương và nhân nại lạ lùng trong việc nhắc lại cho mọi giới những đòi hỏi của Tin Mừng. Vì lời thánh nhân cầu khẩn, xin cho chúng con biết tìm kiếm Nước Cha và nhiệt thành chinh phục anh em về cho Đức Kitô là Thiên Chúa hằng sống và hiển trị cùng Cha, hiệp nhất với Chúa Thánh Thần đến muôn thuở muôn đời.

**✠ Thánh Giuse Lê Đăng Thị (1825-1860),
cai đội, tử đạo**

Thánh nhân sinh khoảng năm 1825, tại làng Kẻ Vãn, tỉnh Quảng Trị, con của một ông cai đội. Sau thời gian học tập binh bị, ngài được thăng chức đội trưởng, trông coi 50 lính tại Hà Tĩnh. Sau đó đổi về Nghệ An.

Năm 1859, vua Tự Đức truyền áp dụng luật cấm đạo trong các quân chủng. Quan trấn mền ông, khuyên ông nên cáo bệnh. Đơn xin được chấp nhận, ngài về Kẻ Vãn; nhưng có kẻ ghét đạo tố cáo ngài. Đầu tháng Giêng 1860, ngài bị bắt giải về Quảng Trị lấy cung và được tự do tạm. Cuối tháng ngài đi trình diện và bị tổng ngục.

Trước những cực hình, ngài vẫn vui vẻ và hãnh diện vì là người Công Giáo. Hơn nữa, ngài còn thương yêu và giúp đỡ các bạn tù.

Cuối tháng 3.1860, ngài bị lên án xử giảo giam hậu và bị áp giải về Thừa Thiên. Ngày 24.10.1860 ngài bị điệu đi xử giảo tại pháp trường An Hòa (Huế), sau khi lãnh bí tích giải tội lần cuối cùng.

Đức Thánh Cha Piô X tuyên chân phước cho ngài vào ngày 2.5.1909.

✠ *Ngày 28 tháng Mười*

**Thánh Simon và thánh Giuđa, Tông Đồ,
lễ kính**

Thánh Simon với biệt hiệu là “nhiệt thành”, có lẽ là đảng viên của nhóm chiến đấu quốc gia Zêlôt (Mt 10,4; Mc 3,18; Lc 6,15; Cv 1,14). Ngoài ra chúng ta cũng không biết ngài được gọi gia nhập vào nhóm Mười Hai như thế nào. Sau này có lẽ ngài đã đi rao giảng Tin Mừng ở Ai Cập và Ba Tư. Cùng với Giuđa Tađêô chịu tử, đạo ở Ba Tư.

Giuđa Tađêô mà Lc 6,16 và Cv 1,13 gọi là “Giuđa của Giacôbê”, có lẽ phải hiểu là Giuđa con của ông Giacôbê. Giacôbê nào đây, chúng ta không biết rõ. Có lẽ Giuđa cũng nằm trong nhóm chiến đấu giải phóng quốc gia Zêlôt; họ mong chờ ở Đức Giêsu một Đấng Messias chính trị, một người giải phóng đất nước Ítraen.

BÀI ĐỌC

– Bài đọc 1: Ep 2,19-22

– Phúc Âm: Lc 6,12-19.

Bài đọc 1: Ep 2,19-22

Đoạn Ep 2,11-22 nói với những người Kitô hữu xuất thân từ ngoại giáo. Thánh Phaolô nhìn vị trí của họ trong niềm vui: ngày xưa họ là những người xa lạ, những người chưa được đón nhận vào lời hứa; nay họ đồng hàng với chư thánh và là thân nhân trong nhà Chúa.

Một mặt, Phaolô nói với những người Kitô hữu xuất thân từ ngoại giáo, nhưng ngài cũng nói với những tín hữu xuất thân

370 ▪ PHỤNG VỤ CHƯ THÁNH, tập 2

từ Do Thái giáo: cả hai hạng người này tạo thành một Hội Thánh. Tất cả đều dựa trên nền tảng các Tông Đồ và tiên tri, và tất cả đều dựa trên viên đá góc là chính Đức Kitô.

Hội Thánh đó là Thân thể Chúa Kitô, là Đền Thờ của Chúa; đây không phải là điều đương nhiên, nhưng

1. Do hồng ân của Chúa Kitô;
2. Do sự cố gắng của mọi thành phần để đấu tranh cho sự hiệp nhất, và
3. Do Chúa Thánh Thần là dây tình yêu liên kết muôn người.

Hội Thánh là Đền Thờ do chính sự hiện diện của Chúa. Đền thờ này chưa xong, nó đang được xây; hơn nữa phải nói nó đang bị rạn nứt. Sự hiệp nhất giữa những Kitô hữu ngoại giáo - Do Thái cũng như giữa các Kitô hữu xuất thân từ ngoại giáo chưa được hiện thực cụ thể.

Phúc Âm: Lc 6,12-19

Trong những ngày ấy, Đức Giêsu đi ra núi cầu nguyện, và Người đã thức suốt đêm cầu nguyện cùng Thiên Chúa. Đến sáng, Người kêu các môn đệ lại, chọn lấy mười hai ông và gọi là Tông Đồ. Đó là ông Simon mà Người gọi là Phêrô, rồi đến ông Andrê, anh của ông; sau đó là các ông Giacôbê, Gioan, Philipphê, Bartôlômêô, Mátthêu, Tôma, Giacôbê con ông Alphê, Simon biệt danh là Quá Khích, Giuđa con ông Giacôbê, và Giuđa Íscariôt, người đã trở thành kẻ phản bội.

Đức Giêsu đi xuống cùng với các ông, Người dừng lại ở một chỗ đất bằng. Tại đó, đông đảo môn đệ của Người, và đoàn lũ dân chúng từ khắp miền Giuđê, Giêrusalem cũng như từ miền duyên hải Tyrô và Xidon đến để nghe Người giảng và để

được chữa lành bệnh tật. Những kẻ bị các thần ô uế quấy nhiễu cũng được chữa lành. Tất cả đám đông tìm cách sờ vào Người, vì có một năng lực tự nơi Người phát ra, chữa lành hết mọi người.

Việc kêu gọi các Tông Đồ được Luca ghi lại thật trang trọng. Chúa Giêsu lên núi cầu nguyện “và thâu đêm Người cầu nguyện cùng Thiên Chúa” (c.12). Núi cao là nơi thích hợp để cầu nguyện. Đây là giây phút quyết định cho chương trình cứu độ của Người.

Giữa nhóm môn đệ, Người chọn 12 vị. Không có lời nào nói tại sao phải là con số 12. Chỉ biết đó là những người Cha ban cho Người (Ga 17,6).

Họ được chọn để làm gì, ở đây không nói gì cả. Chỉ biết rằng trước tiên họ sẽ là bạn đồng hành của Đức Giêsu, chứng nhân cho tất cả những gì Người nói, Người làm và sau này là chứng nhân cho cuộc Phục Sinh của Người (x. Cv 1, 21-22).

Qua con số 12, họ là dấu chứng cho Ítraen Mới, cho dân mới của Thiên Chúa, dân được kêu gọi từ muôn nước khắp địa cầu.

CẦU NGUYỆN

Lạy Cha, Cha đã dùng lời các thánh Tông Đồ rao giảng để cho chúng con nhận biết danh Cha. Xin nhậm lời hai thánh Tông Đồ Simon và Giuđa cầu nguyện mà cho Hội Thánh được phát triển không ngừng khắp nơi trên thế giới. Chúng con cầu xin...

✠ *Ngày 30 tháng Mười*

Chân phước Đa Minh O'Colan, tu sĩ, tử đạo

(lễ của dòng Tên)

Cuộc sống cũng như cái chết của Chân phước Đa Minh O'Colan gắn liền với dân tộc và Hội Thánh Ailen.

Đảo Ailen được thánh Patriciô đến truyền giáo vào thế kỷ V, và dân Ailen nổi tiếng về lòng trung thành với đức tin và Hội Thánh. Ailen bị Anh đô hộ từ thế kỷ XII. Năm 1541, vua Henry VIII nước Anh tự xưng là vua Ailen và ép buộc dân Ailen theo Anh giáo. Trừ một vài gia đình quý tộc quy thuận để hưởng lợi, hầu như toàn bộ dân Ailen vẫn trung thành với Hội Thánh Công Giáo.

Để củng cố các tín hữu, năm 1560 Đức Thánh Cha Piô IV cử Linh Mục Dòng Tên người Ailen Đavít Wolfe làm sứ thần Toà Thánh tại đây. Một số thừa sai khác cũng theo ngài đến thị trấn Cork ở miền nam. Nữ hoàng Elizabeth I cho quân đội Anh tràn vào giết hại các Giám Mục và Linh Mục, triệt hạ các tu viện và thánh đường. Năm 1595, dân Ailen khởi nghĩa chiếm được miền bắc và mời Dòng Tên tới phục vụ. Chân phước Đa Minh O'Colan thuộc số anh em này.

Từng là sĩ quan trong quân đội Pháp và Tây Ban Nha, ngài nổi tiếng là một người “có giá”. Năm 1598, ngài xin làm tu huynh trong Dòng Tên và xin về quê hương chia sẻ với đồng bào đang quần quai dưới ách đô hộ của quân Anh. Khi quân Anh bao vây pháo đài Dunboyne, ngài tự nguyện đi thương thuyết để cứu đồng bào. Ngài bị quân Anh bắt, đưa về Cork tra tấn dã man cho đến chết ngày 31.10.1602. Năm ấy ngài được 35 tuổi.

Ngài được Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II tuyên chân phước năm 1993.

✠ *Ngày 31 tháng Mười*

Thánh Anphong Rodriguez, tu sĩ
(lễ của dòng Tên)

Thánh Anphong Rodriguez sinh năm 1531 tại Segovia, miền trung Tây Ban Nha, trong một gia đình buôn bán giàu có. Vì cha mất sớm, nên mới ở tuổi thiếu niên, ngài đã phải thay cha điều khiển công việc kinh doanh. Năm 26 tuổi, ngài lập gia đình và sinh được 3 người con. Những năm sau đó, ngài bị phá sản, 2 người con chết, rồi vợ chết. Năm 34 tuổi, đứa con cuối cùng của ngài cũng chết. Đau khổ, ngài hướng trọn về Chúa trong cầu nguyện và hãm mình.

Năm 37 tuổi ngài xin vào Dòng Tên nhưng đến năm 40 tuổi mới được nhận vào nhà tập tại Valencia. Sáu tháng sau, ngài được gởi đến học viện Montesion, ở Palma đảo Mallorca trên Địa Trung Hải, làm người gác cổng. Hơn 40 năm trong chức vụ tầm thường đó, ngài đạt tới mức kết hiệp với Chúa như một nhà thần bí.

Chìm sâu trong chiêm niệm, ngài luôn tuân phục và hiền từ, tiếp đón mọi người như tiếp đón chính Chúa Giêsu. Chẳng bao lâu sau, nhiều người đến bàn hỏi với ngài về đời sống thiêng liêng, trong đó có cả những vị Hồng Y, Giám Mục, Linh Mục, và các nhà quý tộc cũng như thanh niên và giới bình dân. Trong âm thầm và khiêm tốn, ngài vui vẻ hoàn tất mọi công việc nhỏ bé được trao phó như một người tôi tớ trung tín và khôn ngoan.

Ngài qua đời ngày 31.10.1617 và được Đức Lêô XIII tuyên thánh năm 1888.